TUẦN 7 - ÂM NHẠC 8

I. ÔN BÀI HÁT "MÙA THU NGÀY KHAI TRƯỜNG" VÀ "LÝ DĨA BÁNH BÒ"

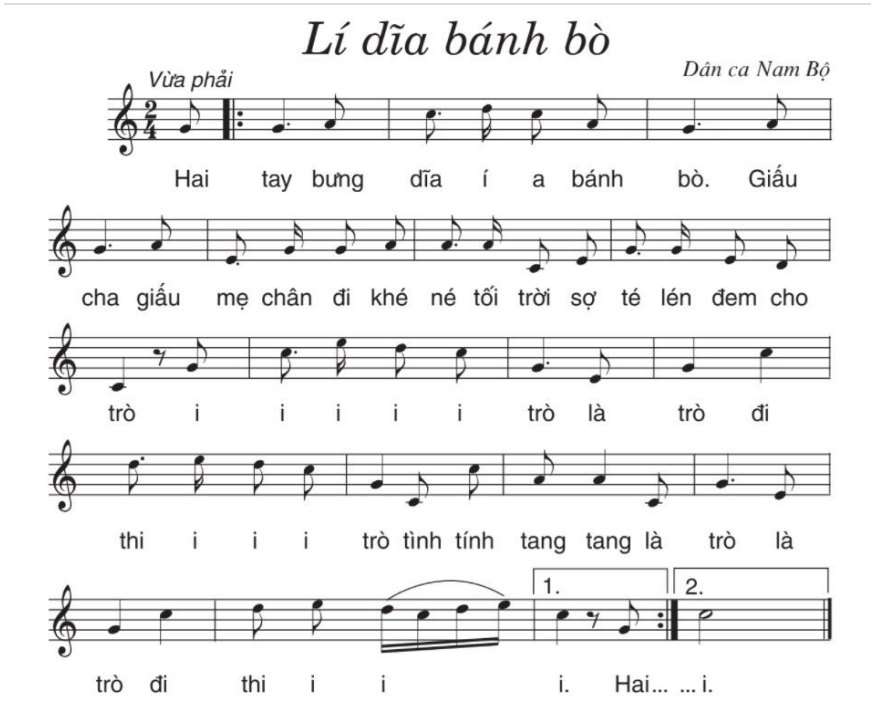

MÙA THU NGÀY KHAI TRƯỜNG

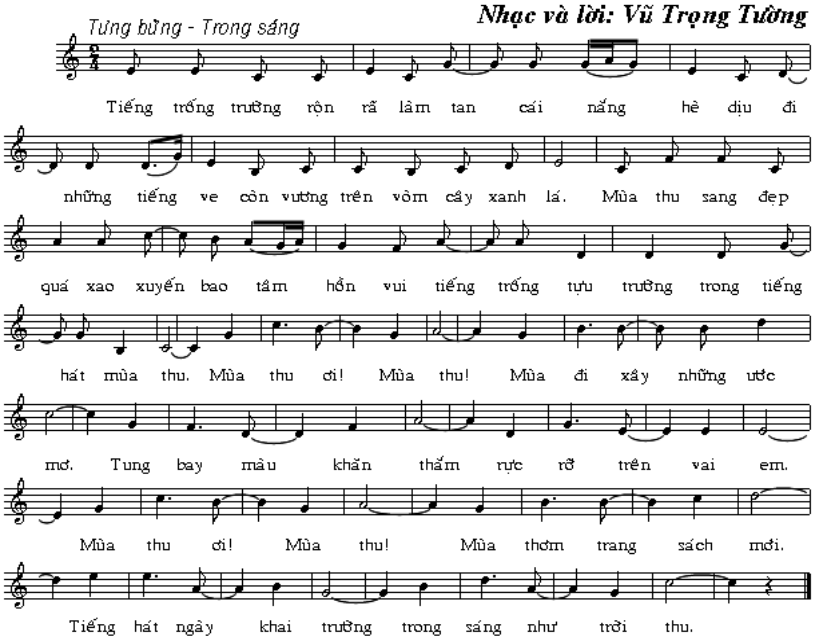

II. ÔN NHẠC LÝ:

1. Gam thứ: Gam thứ là hệ thống 7 bậc âm được sắp xếp liền bậc, hình thành dựa trên công thức cung và nữa cung như sau:

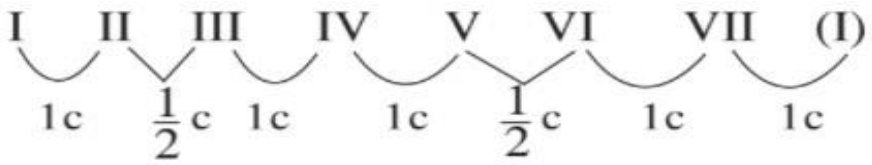

2. Giọng thứ: Các bậc âm trong gam thứ được sử dụng để xây dựng giai điệu một bài hát (hay 1 bản nhạc) người ta gọi đó là giọng thứ kèm theo âm chủ.

III. ÔN TẬP ĐỌC NHẠC: TĐN SỐ 1, TĐN SỐ 2

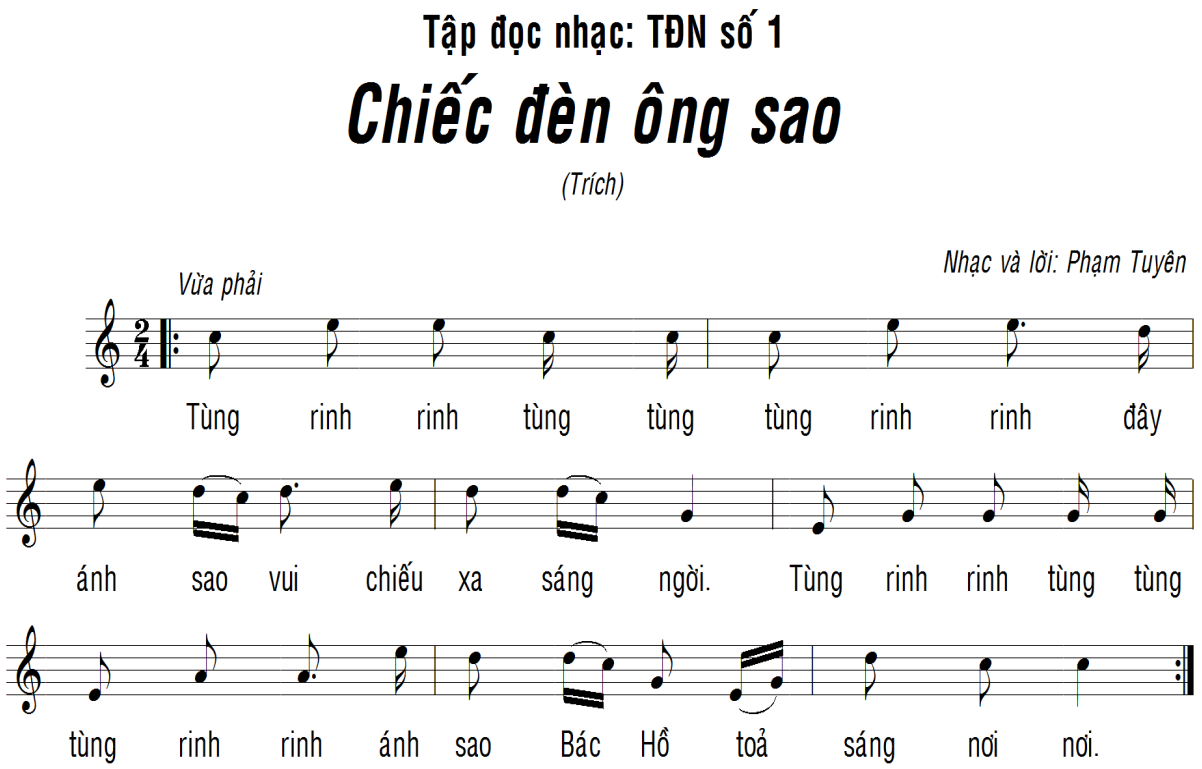

Tập đọc nhạc : TĐN số 2

Trở về Su-ri-en-tô

(Trích)

Bài hát I-ta-li-a

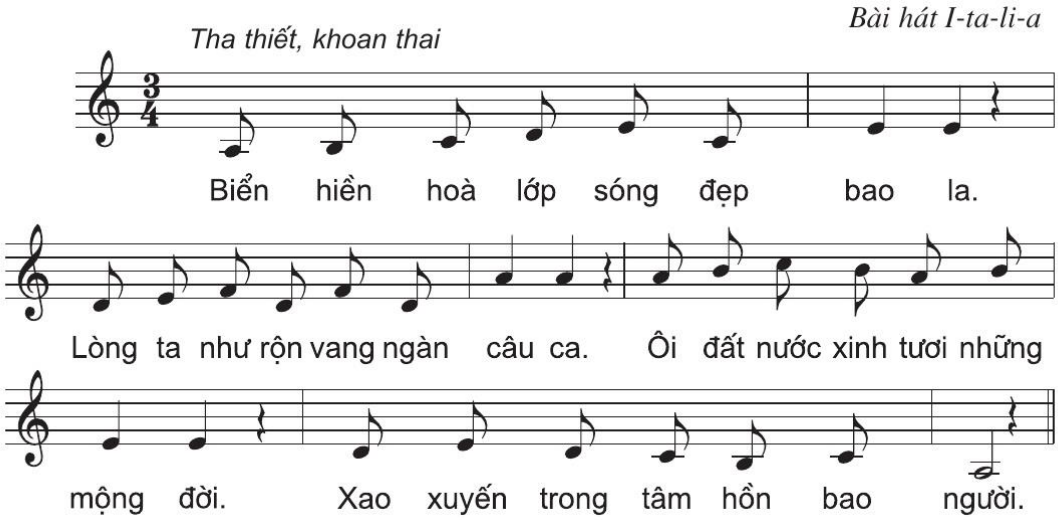

TUẦN 8 – ÂM NHẠC 8

KIỂM TRA 1 TIẾT

Em hãy chọn 1 đáp án đúng sau đây:

Câu 1. Trong Gam thứ thì hệ thống có bao nhiêu bậc âm được sắp xếp liền bậc?

A. 3
B. 7
C. 5
D. 9

Câu 2. Bài hát "Mùa thu ngày khai trường" của nhạc sĩ nào?

A. Trịnh Công Sơn
B. Hoàng Lân
C. Vũ Trọng Tường
D. Lê Minh Châu

Câu 3. Bài hát "Mùa thu ngày khai trường" được viết ở giọng gì?

A. Đô trưởng
B. La thứ
C. Son trưởng
D. Mi thứ

Câu 4. Bài tập đọc nhạc số 1 "Chiếc đèn ông sao" là của tác giả nào?

A. Hùng Lân
B. Phạm Tuyên
C. Hoàng Lân
D. Phạm Trọng Cầu

Câu 5. Bài tập đọc nhạc số 1 "Chiếc đèn ông sao" được viết ở giọng gì?

A. La thứ
B. Mi thứ
C. Đô trưởng
D. La trưởng

Câu 6. Nhạc sĩ Trần Hoàn sinh ra và mất năm nào?

A. 1928-2004
B. 1929-2003
C. 1928-2003
D. 1929-2002

Câu 7. Bài hát "Lý dĩa bánh bò" thuộc dân ca miền nào?

A. Dân ca Tây Nguyên
B. Dân ca Nam Bộ
C. Dân ca Tây Bắc
D. Dân ca Bắc Bộ

Câu 8. Bài hát "Lý dĩa bánh bò" được viết ở giọng gì?

A. Đô trưởng
B. La thứ
C. Pha trưởng
D. Rê thứ

Câu 9. Bài tập đọc nhạc số 2 "Trở về Su-ri-en-tô" là bản nhạc của nước nào?

A. Nước Bỉ
B. Nước Pháp
C. Nước Anh
D. Nước I-ta-li-a

Câu 10. Bài tập đọc nhạc số 2 "Trở về Su-ri-en-tô" được viết ở giọng gì?

A. Đô trưởng
B. La thứ
C. Pha trưởng
D. Son thứ

Trường THCS Lê Lợi- Quận 3 Tổ Ngoại ngữ- Nhóm **ANH 8**	Lớp 8.....Stt:…...Họ tên: …..... **Năm học 2021- 2022**; Ngày: .....

TÀI LIỆU HỖ TRỢ HỌC TẬP

MÔN TIẾNG ANH 8 TRỰC TUYẾN tuần 07 (18/10/2021- 23/10/2021)

Tiết 19: Unit 4: OUR PAST

Lesson: Write - Language Focus

I. NỘI DUNG:

A. Từ vựng cơ bản:

1/ burn (v/ n): vết bỏng

2/ escape (v): trốn thoát

3/ graze (v): gặp cỏ

4/ stripe (n): vạch sọc

5/ nearby (adv.): gần đó

6/ servant (n): người phục vụ, người đầy tớ

7/ serve (v): phục vụ

8/ service (n): dịch vụ

9/ master (n): ông chủ

10/ wisdom (n): trí khôn

--> wise (a): khôn

11/ tie (v): cột

13/ straw (n): rơm, rạ

14/ rope (n): dây thừng

B. Ngữ pháp cơ bản:

<u>1. Past simple (review)</u>

<u>2. Prepositions of time</u>

In + 2015/ the spring/ October/ the morning/ the 21st century……

On + Monday/ May 1/ the weekend/ holiday/ Christmas Day…….

At + night / 6 o’clock/ Christmas/ weekends

Between 7:00 and 8:00

Before

After

During

From…..to ……/ Until

3. USED TO

We use “used to” to show activities which happened in the past but finish in the present.

(+) S + used to + V (bare infinitive)

(-) S + didn’t use to + V (bare infinitive)

(?) Did + S + use to + V (bare infinitive)?

Note:

We don’t use: no longer, anymore. often, usually, frequently with “used to”

Ex: * He doesn’t smoke anymore.

He used to smoke.

Note:

- **Be/ get used to + V-ing**

Ex: My mother is used to getting up early.

II. LUYỆN TẬP:

<u>I/ Supply the correct tense or form of verb</u>

1. I decide (wait)_____ here until he returns.

2. Listen to those people. Which language (they/ speak)_____?.

3. Trinh Cong Son (write) _____ a lot of famous songs .

4. We used (live) _____ in a small village, but now we live in Ho Chi Minh City.

5.The letter (come) _____ a few days ago.

6. When they were having dinner, the light went out, so they (light) _____ the lamp.

7. A lion (escape) _____ from its cage yesterday morning.

8. She (fall) _____ over and (break) _____ her leg.

9. Lisa (not go) _____ to work yesterday because of her sickness.

10. The step – mother made her (do) _____ all the chores.

<u>II/ Rewrite the following sentences</u>

1. Let’s meet in front of the movie theater.

Tom suggested _____

2. I don't stay up late any more.

I used _____

3. Mary went out for the evening, but first she washed her hair.

Before _____

4. Miss Lan doesn't spend money as much as she used to.

Miss Lan used _____

5. My father took a tablet, and then he felt a lot better.

After _____

6. She often gets up early.

She is used _____

7. That worker doesn't work in this company any longer.

That worker used _____.

8. This is the first time I have played baseball.

I am not used _____

9. He went to school on foot before he had a bike.

He used _____

10. His buffalo was grazing in the field, a tiger appeared.

While _____.

11. It's useful to plant more trees for protecting the environment.

Planting _____

12. Solving difficult problems in any circumstances is challenging

It's _____

13. There was a lake behind my house.

There used _____

14. It is advisable to do what is allowed by the law.

Doing _____.

15. Paying attention to what the teacher instructs is very essential.

It's _____

III/ Rearrange the words to make complete sentences

1. a young girl/ she/ live on a farm/ when she was/ used to

She……

2. without the help/ Mom had to/ of modern equipment/ do everything

Mom……

3. all dangerous objects/ children's reach/ we have to keep/ out of

We……

4. a dangrous place/ children play/ because it is/ we must not let/ in the kitchen

We……

IV/ Complete the sentences with prepositions of time

1. There are usually a lot of parties _____ New Year's Eve.

2. The school year begins _____ August and ends _____ May.

3. Do you like receiving gifts _____ Chrismas Day?

4. Children are usually given lucky money _____ Tet.

5. I want to see the news at 6:30, so I always go home _____ 6:30.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

o Viết được câu truyện cổ tích,

o Nhận biết, thông hiểu các từ vựng cơ bản (chính tả, từ loại, ý nghĩa, ứng dụng...)

o Thông hiểu, vận dụng được thì Simple Past, Prepositions of time và Used to

o Tự luyện các bài luyện tập, sửa bài đầy đủ

IV. THAM KHẢO

1. SGK TIẾNG ANH 8 CŨ - Great English

2. Bài tập tự luyện thêm: Bài tập tiếng Anh lớp 8 unit 4 có đáp án (english4u.com.vn)

Tiết 20: Review

I. NỘI DUNG:

A. Từ vựng cơ bản: từ vựng Unit 1, 2, 3

II. LUYỆN TẬP:

I. Choose the word or phrase (A, B, C, or D) that best fits the blank space in each sentence.

1) We often spend our free time _____ books.

A. to read B. read C. reading D. reads

2) She has to _____ chores all day because her mother is tired.

A. do B. make C. doing D. making

3) She smiled _____ me when we met each other at the school gate.

A. in B. on C. to D. at

4) _____ they have different characters, they are close friends.

A. But B. Although C. Because D. So

5) Nam is a _____ student. He always gets good grades.

A. kind B. reserved C. hard- working D. humorous

6) He can't speak anything because he is _____.

A. deaf B. mute C. blind D. sociable

7) It's not safe _____ medicine around the house.

A. to leave B. leaving C. left D. leave

8) You will cut _____ with that knife if you are not careful.

A. myself B. yourself C. himself D. itself

9) Her sister is a beautiful girl _____ long straight black hair.

A. and B. has C. with D. as

10) What will the weather _____tomorrow?

A. be like B. like C. look like D. is

11) Students _____ wear uniform at school.

A. ought to B. have C. can D. must

12) Please wait for me at your home. I will come ____ and pick you _____.

A. on/ up B. up/ with C. over/ up D. in/ on

13) My mother is out at the moment. Would you like to _____ a message?

A. take B. leave C. make D. do

14) Would you like to go to the concert with me? @ _____.

A. Yes, I'd love to B. You're welcome C. Yes, I do D. No, I don't

15) Everybody loves him because of his _____.

A. character B. public C. member D. community

16) There are a lot of black clouds. It _____.

A. rains B. is raining C. will rain D. is going to rain

17) Each of us _____ finish our work on time.

A. have to B. has to C. having to D. don't have to

18) The _____ put too much salt in the dish.

A. cook B. cooker C. counter D. steamer

19) Can I _____ to Adam? This is Nancy.

A. sayB. talk C. speak D. tell

20) I _____ a gift from my friend this morning.

A. receive B. will receive C. receiving D. received

21) My cousin likes telling jokes. He has a good sense of _____.

A. peace B. volunteer C. humor D. pleasure

22) "Which girl is Linda?" – She's the one with _____ hair.

A. long curly blond B. long blond curly

C. blond long curly. D. curly long blond.

23) We tried to phone him _____ times, but he didn't answer.

A. once B. countless C. much D. twice

24) It's very cold today. Don't let your grandfather go _____.

A. inside B. outside C. upstairs D. downstairs

25) The cat is not _____ to catch the mouse.

A. slow B. slow enough C. fast enough D. enough fast

26) The last time I _____to Paris was in 1999.

A. go B. going C. to go D. went

27) Where is the movie "Conjuring" _____?

A. on B. at C. in D. to

28) Alexander Graham Bell worked with people who can neither speak ____ hear.

A. and B. but C. or D. nor

29) We can use a(an) _____ to record messages when we are out.

A. answering machine B. fax machine C. public telephone D. telephone directory

30) You can see a lot of famous paintings at this _____.

A. service B. invention C. exhibition D. demonstration

31) Let's paint the house _____. It will be much cheaper.

A. yourself B. yourselves C. herself D. ourselves

32) After washing your clothes, you should put them in the _____.

A. wardrobe B. counter C. cupboard D. rack

33) In the dry season we must take _____ against fire.

A. danger B. precautions C. care D. view

34) Tom ought _____ noise in the library like that.

A. to make B. make C. not to make D. making

35) Our parents _____ some toys for us at Christmas.

A. buys B. are going to buy C. buying D. buy to

36) Hoang is quite _____. He doesn't talk much in public.

A. humorous B. sociable C. out- going D. reserved

37) Unluckily, her friend fell _____ and broke his leg.

A. up B. inside C. downstairs D. upstairs

38) ____ don't we do volunteer work at the orphanage? –That's a good idea.

A. What B. Why C. How much D. How long

39) We have to keep dangerous things out of children's _____.

A. reach B. age C. match D. height

40) It's a long _____ from my house to the market.

A. transmission B. distance C. invention D. speech

41) I felt _____ to go out, so I stayed at home.

A. too tired B. so tired C. very tired D. tired enough

42) Children _____ drink milk every day. It's good for them.

A. Mustn't B. ought C. has to D. should

43) We are very close friends although we have different _____.

A. jokes B. cousins C. neighbors D. characters

44) Telephone was a(n)_____ of Alexander Graham Bell.

A. invention B. exhibition C. experiment D. demonstration

45) That woman seems _____ happy.

A. be B. to be C. is D. was

46) Fire destroys homes and _____ children because someone plays with matches.

A. covers B. keeps C. causes D. injures

47) The match was _____ live all over the world.

A. arranged B. traveled C. transmitted D. demonstrated

48) Jenny is not here now. Can I take a (n) _____?

A. message B. advice C. information D. news

49) We _____ a big party for Debbie's birthday yesterday.

A. taking B. took C. to take D. to be taken

50) I _____ a letter from my friend yesterday.

A. sent B. took C. received D. gave

51. Our Earth is the third _____ from the Sun.

A. moon B. planet C. ball D. object

52. Our teacher always asks us _____ silent in class.

A. keep B. keeping C. to keep D. keeps

53. I'll buy you a motorbike when you're _____ to ride it.

A. enough old B. old enough C. very old D. too old

54. He is my _____. We are in the same class.

A. principle B. neighbor C. classmate D. character

55. I find he is not communicative. He's rather _____ in public.

A. outgoing B. reserved C. sociable D. humorous

56. You can use a(n) _____ to record messages when you are out.

A. mobile phone B. fax machine C. telephone directory D. answering machine

57. _____ is a book containing the names, phone numbers and addresses.

A. mobile phone B. fax machine C. telephone directory D. answering machine

58. _____ is an equipment used for sending and receiving copies of document.

A. mobile phone B. fax machine C. telephone directory D. answering machine

59. 4. Can you give her a message for me? – _____

A. Yes, certainly. B. Thank you. C. I don't know. D. You're welcome.

60. My mother is out at the moment. Would you like to _____ a message?

A. take B. leave C. make D. do

61. She _____ Quang and Nam to her birthday party on Saturday.

A. brought B. invited C. conducted D. left

62. Lan is getting tired _____ doing the same thing every day.

A. with B. of C. in D. by

63. The girl should wait here _____ her brother comes back.

A. until B. before C. after D. during

64. They told me _____ in the waiting room.

A) not smoke B) to smoke not C) not to smoke D) to not smoke

65. That was a simple question, but _____ of them could answer. (both / all / most / neither)

66. How do you do? - _____? (I am very well, thanks / Nice to meet you / How do you do / What do you do?)

67. The noise in the street _____ people at night. (spends / plays / annoys / volunteers)

68. The storm destroyed two houses _____ here. (next / near / nearly / nearby)

69. Look at this sign. What does it mean?

A. We shouldn't turn left or you will be fined.
B. We should be careful when you turn left.
C. We shouldn't go straight and we have to turn left.
D. We should look for another way to travel.

70. Look at the signs. Which sign means you aren't allowed to walk?

A. The sign 1.

B. The sign 2.

C. The sign 3.

D. The sign 2 and 3.

71.What does this sign mean? A. Don't pull the door. B. Don't push someone. C. Don't run on the pool edge. D. Don't play on the pool edge.	
72. What does this sign mean? A. Thank you for using mobile phones. B. You must be over 10 years old to use mobile phones. C. Using mobile phones and radio transceivers is allowed. D. Turn off your cell phones.	

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

-HS nhớ được các bài tập đã sửa

Tiết 21: REVIEW

I. NỘI DUNG:

A. Từ vựng cơ bản: ôn lại các từ vựng cơ bản bài học Unit 1,2,3

B. Ngữ pháp cơ bản:

- **Passive voice: BE + $V_{3/ed}$**

II. LUYỆN TẬP:

<u>Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it</u> :

1. My friend is too short to play basketball.

➞ My friend is not _____

2. He failed the exam because he was too lazy.

➞ He was not _____

3. It is too dangerous to use that old ladder.

➞ Using _____

4. It isn't necessary to wear uniform to school on Sunday.

➞ You don't _____

5. Who invented the telephone?

➞ Who was _____?

6. The weather is not well, so we can't go out.

➞ The weather isn't _____

7. Asking questions is very important to check the students' understanding.

➞ It's _____

8. Mary's hair is long and straight.

➞ Mary has _____

9. It's a good thing for you to keep the house clean and tidy.

➞ You should _____

10. Nien is younger than Hoa.

➞ Nien is not _____

11. Putting a knife into an electrical socket is very dangerous.

➞ It's _____

12. The film was too boring for us to see to the end.

➞ The film is not _____

13. You are not allowed to use electricity to catch fish.

➞ You must _____

14. No one helps us rebuild the house.

➞ We _____

15. Mrs. Ha intends to plant some flowers in her garden.

➞ Mrs. Ha is _____

16. It's took me two hours to do my homework.

➞ I spent _____

17. Linda got up too late to have time for breakfast.

➞ Linda didn’t _____

18. It would be a good idea for you to see a dentist.

➞ You should _____

19. The shelf is too high for me to reach.

➞ I’m not _____

20. His cousin’s hair is long, curly and black.

➞ His cousin has _____

21. How about going to the movies tonight?

Let’s _____

22. I’ll telephone you tomorrow.

➞ I’ll make _____

23. She plans to repair her old bike.

➞ She is _____

24. The hall is large. It can hold over 100 people.

➞ The hall is _____

25. It takes me about half an hour to watch TV every day.

I spend _____

26. It began to rain, but they went on working.

➞ Although _____

27. Because the room is too small, six of us can’t live in it.

➞ The room is not _____

28. Finding a good job in this city is difficult.

➞ It’s _____

29. It takes me half an hour to watch TV every day.

➞ I spend _____

30. Nobody helps her with the housework.

➞ She does _____

31. He isn’t strong. He can’t lift such a heavy box.

➞ He is too _____

➞ He is not _____

32. The river is not clean enough for us to swim in.

➞ The river is too _____

33. The exercise is too difficult for students to do.

➞ The exercise is not _____

34. Peter is not old enough to see the horror film.

➞ Peter is _____

35. The gate is too high for me to reach.

➞ I am not _____

36. I advise my brother to keep his room clean.

➞ My brother _____

37. No one helped her uncle fix the television.

Her uncle _____

38/ Nobody helps her with the housework.

--> She does _____

39/ His hair is short, curly, and black.

He has _____

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

-HS nắm được các cấu trúc đã học để hoàn tất các bài tập

Trường THCS Lê Lợi- Quận 3 Tổ Ngoại ngữ- Nhóm **ANH 8**	Lớp 9.....Stt:…...Họ tên: …..... **Năm học 2021- 2022**; Ngày: .....

TÀI LIỆU HỖ TRỢ HỌC TẬP

MÔN TIẾNG ANH 8 TRỰC TUYẾN tuần 08 (25/10/2021- 30/10/2021)

Tiết 22: REVISION

I. NỘI DUNG:

A. Từ vựng cơ bản:

- Reserved (a) kín đáo
- Sociable (a) hòa đồng
- Character(n) tính cách
- Appearance (n) sự xuất hiện
- Orphanage (n) trại mồ côi
- Volunteer (n) tình nguyện
- Emigrate (v) di cư
- Invention (n) phát minh
- Commercial (a) thương mại
- Come up with: đưa ra
- Precaution (n) phòng ngừa
- Destroy (v) phá hủy

B. Ngữ pháp cơ bản:

- **Adj + enough (for sb) to V**
- **Be going to + V**

II. LUYỆN TẬP:

IV. <u>Use the correct form of the word given in each sentence:</u>

1) I hope we will (success)_____ in our social activities.

2) There are many (commerce) _____centers in Ho Chi Minh city.

3) Don’t put a knife into an (electric) _____socket.

4) Telephone is a device transmitting (speak) _____ over a long distance.

5) The wind farm will generate enough (electric) _____ for some 30 000 homes.

6) My mother has just bought me an (electricity) _____bike.

7) There was an (exhibit) _____ of paintings at the Art Gallery.

8) You looked so (peace) _____ that we didn't want to wake you.

9) The ship carried hundreds of (emigrate) _____ to the US.

10) It’s (safe) _____ to let children play in the kitchen.

11) Every year, fire (destructive) _____ many forests all over the world.

12) The (destroy) _____ effects of drink and drugs always make people feel very scared.

13) It's a (please) _____ to meet you, Mr. Thanh.

14) He introduced his invention at (count) _____ exhibitions.

15) I'll make (arrange) _____ for the meeting tonight.

16) I'm annoyed at her because she seemed (interest) _____ in anything I said.

17) His (injure) _____ leg prevented him from walking.

18) His (injure) _____ was not serious, so he didn't go to hospital.

19) My (assist) _____ will now demonstrate the machine in action.

20) He was standing (danger) _____ close to the cliff edge.

21) She has a highly (invent) _____ mind.

22) Bell was the (invent) _____ of the telephone.

23) Thomas Edition left numerous (invent)_____ that improved the quality of life all over the world.

24) A small boy is riding home very fast and (danger)_____ .

25) Each of us has (differ) _____hobbies.

26) Some foreigners pronounce Vietnamese (differ)_____ .

27) Your children look very (please) _____ to receive moon cakes.

28) They had an (agree) _____ never to talk about work at home.

29) Everyone likes him because of his (generous)_____.

30) She went out without (say) _____ a word.

31) Our life is much better with the help of modern (equip)_____.

V. Put the words in the correct order to make meaningful sentences:

1. is/ to make/ a/ big meal/ going/ My mother/ tonight. //

_____

2. warm/ enough/to/ go/ The weather/ isn't/ swimming. / for me //

_____

3. Can you/ the other / tell me/ about /planets?/ anything/

_____

4. is / student who / He / always gets / a hard-working / good grades./

_____

5. Khai / of the / likes / and quiet/ local library./ the peace /

_____

6. volunteer work / He / spends / doing / at / his free time / a local orphanage. /

_____

7. in the east/ rises/ The sun / in the west. / sets/ and /

_____

8. Mr. Ha / a message / out / was / so / Mrs. Lan / for him. / took

_____

9. to the public / demonstrated / his invention / at / Bell / countless exhibitions. /

_____

10. like to / an appointment / make / to see /I'd / him. /

_____

11. children / You / let / play / in the kitchen./ must not /

_____

12. and drugs / You / must / all chemicals / put / in / locked cupboards. /

_____

13. You / to put anything / must cover / so that / children / do not try /into them./ electrical sockets /

_____

14. Children / or eat / look like/ these things / because / they / soft drinks / or candy. / may drink /

_____

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS làm hết các phần bài trong các Unit

IV. LINK THAM KHẢO (Ctrl+ click vào link bên dưới)

1. Ebook SGK 8 anh : SGK TIẾNG ANH 8 CŨ - Great English

2. Bài tập tự luyện thêm: Bài tập tiếng Anh lớp 8 unit 2 có đáp án (english4u.com.vn)

Tiết 23: MID – SEMESTER TEST

I. NỘI DUNG:

A. Từ vựng cơ bản:

Review Unit 1.2.3

B. Ngữ pháp cơ bản:

- **Adj + enough (for sb) to V**
- **Be going to + V**

II. LUYỆN TẬP

Read the passage:

(A) My room is not very large, but I like it because it has a large window opposite the door, and my desk is on the right near the window, so I don't need to use the table lamp during the day. I have a writing desk that folds down so I can do my homework comfortably. I keep my pens and pencils in the top part of the desk, and it has three drawers, where I keep all my notebooks. There is a table lamp on the desk, and some bookshelves above it for all my school books. I have decorated the room by sticking some posters on the wall above my bed. On the other side of the room, opposite my bed, is the wardrobe. It has two sections, and is very convenient.

A/ Write TRUE or FALSE for each sentence.

1. The writer's room is not only large but also beautiful. _____

2. She doesn't need the table lamp because of the large window. _____

3. The writer puts all her notebooks in the three drawers of the desk. _____

4. It is inconvenient to have two sections of the wardrobe. _____

B/ Choose the correct answer.

5. According to the passage, the writer decorates her room by _____

A. sticking some flowers on the wall above her bed. B. sticking some pictures on the wall above her bed.

C. sticking some posters on the wall under her bed. D. sticking some posters on the wall above her bed.

6. How does the writer feel having this room? _____

A. She dislikes it. C. It annoys her.

B. She is fond of it. D. She gets tired of it

(B) This weekend, my family is going to move to our new house. The house has three floors with a lounge, a living room, a kitchen and four bedrooms. The lounge and the kitchen are on the ground floor. My parents' room is beside the living room on the second floor. The other three bedrooms are upstairs. My room is at the back but looking out the garden. Inside the garden, there are some trees and a swimming pool. My old house is much smaller and has not got a swimming pool. All members of my family like the new house very much.

KEYS

My family is living in a new house now.	1)
The living room is next to the kitchen.	2)
The children's bedrooms are on the top floor.	3)
The swimming pool is in the garden.	4)

(C)If you enjoy cycling for pleasure, doing it in London can be a shock. There are not enough lanes especially for bikes, and making your way through the traffic can be very risky. But if you have great passion, cycling in London can be exciting, and **it** is an inexpensive way of keeping fit if you live there. Some cyclists don't mind spending a lot of money on expensive bikes. However, if you just want a basic bike that is only for occasional use, there are many cheap choices. Several markets have cheap bikes on sale which may not be impressive to look at but should be satisfactory. You should buy a cycling helmet if you want to cycle in London. Wearing a cycling helmet is not compulsory in Britain, but it is a good idea to wear one for protection.

1. What is the main idea of the passage?

A. Cycling helmets B. Cheap bicycles

C. Bicycle markets D. Cycling in London

2. According to the passage, cycling in London is

A. easy B. difficult C. tiring D. boring

3. The word **"it"** in line 3 refers to

A. cycling B. passion C. excitement D. doing exercise

4. According to the passage, all the followings are true **EXCEPT** that

A. It is compulsory to wear a helmet when cycling in Britain.

B. Some bikes in London are cheap.

C. There are not many lanes especially for bikes.

D. Some cyclists don't want to buy expensive bikes.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

-HS học từ vựng và xem bài đọc chủ đề

-HS nắm các mẫu câu trong phần Ngữ pháp cơ bản

IV. LINK THAM KHẢO (Ctrl+ click vào link bên dưới)

1. Ebook SGK 8 anh : SGK TIẾNG ANH 8 CŨ - Great English

2. Bài tập tự luyện thêm: Bài tập tiếng Anh lớp 8 unit 2 có đáp án (english4u.com.vn)

Tiết 24: CORRECTION OF TEST

I. NỘI DUNG:

A. Từ vựng cơ bản:

Review

B. Ngữ pháp cơ bản:

- **Adj + enough (for sb) to V**
- **Be going to + V**

II. LUYỆN TẬP:

Sửa bài kiểm tra giữa kỳ - hoàn thành tất cả bài tập trong handout

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

-HS nắm được các câu đã làm bài sai và rút kinh nghiệm cho kiểm tra học kỳ

IV. LINK THAM KHẢO (Ctrl+ click vào link bên dưới)

1. Ebook SGK 8 anh : SGK TIẾNG ANH 8 CŨ - Great English

2. Bài tập tự luyện thêm: Bài tập tiếng Anh lớp 8 unit 2 có đáp án (english4u.com.vn)

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN CÔNG NGHỆ - LỚP 8

Tuần: 7

Tiết: 7

Bài 13,14: **BẢN VẼ LẮP**

THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN VẼ LẮP ĐƠN GIẢN

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN

NỘI DUNG HS GHI VÀO TẬP	NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HS
A.BẢN VẼ LẮP **I.Nội dung của bản vẽ lắp:** - Bản vẽ lắp diễn tả hình dạng, kết cấu của sản phẩm và vị trí tương quan giữa các chi tiết của sản phẩm. - Bản vẽ lắp dùng trong thiết kế, lắp ráp và sử dụng sản phẩm. - Hình biểu diễn: hình chiếu, hình cắt diễn tả hình dạng và kết cấu của sản phẩm. - Kích thước: gồm kích thước chung, kích thước các chi tiết. - Bảng kê: gồm số thứ tự, tên gọi chi tiết, số lượng và vật thể. - Khung tên: gồm tên sản phẩm, tỉ lệ.	- Bản vẽ lắp mô tả, biểu diễn hình dạng, kết cấu, vị trí giữa các chi tiết của sản phẩm - Công dụng của bản vẽ lắp dùng trong thiết kế và lắp ráp. * Quan sát sơ đồ bản vẽ lắp ta biết 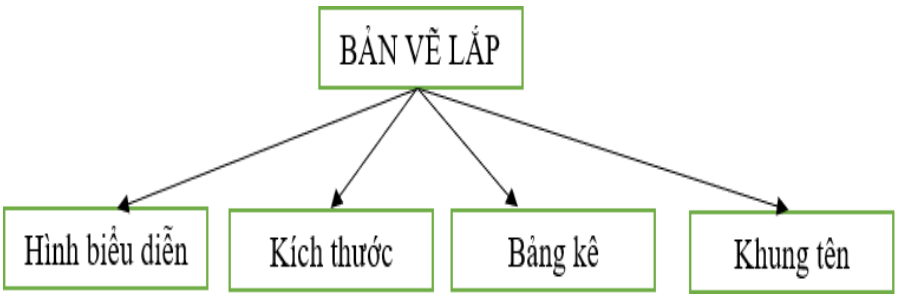 - Bản vẽ lắp bao gồm những nội dung: Hình biểu diễn, kích thước, bảng kê và khung tên. • HS quan sát tranh hình 13.1 SGK 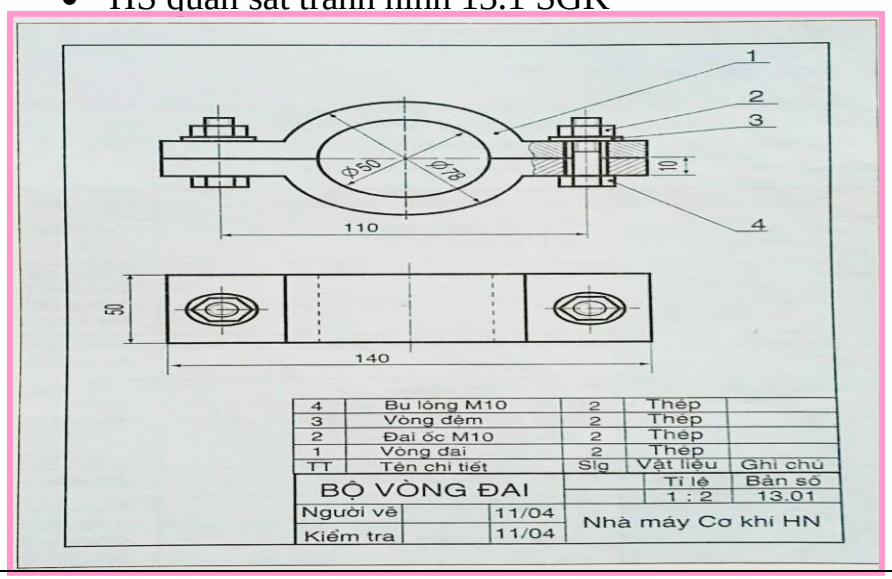

	Qua bản vẽ cho thấy: - Bản vẽ lắp bao gồm những hình chiếu bằng, hình chiếu đứng có cắt cục bộ. -Thể hiện chi tiết: vòng đai(2), đai ốc(2), vòng đệm(2) và bulông(2). -Vị trí tương đối giữa các chi tiết: đai ốc ở trên cùng, đến vòng đệm(3), vòng đai(1) và bu lông M10 ở dưới cùng. - Các kích thước ghi trên bản vẽ có ý nghĩa là: Biết kích thước chung và kích thước lắp các chi tiết của bộ vòng đai. + Kích thước chung: 140, 50, 78. + Kích thước lắp giữa các chi tiết: M10. + Kích thước xác định khoảng cách giữa các chi tiết: 50, 110. - Bảng kê chi tiết gồm những nội dung: Tên gọi chi tiết, số lượng chi tiết, vật liệu,.... - Khung tên ghi những mục đích và ý nghĩa của từng mục là : Ghi tên gọi sản phẩm và tỉ lệ của bản vẽ. • **Tóm lại**: Nội dung bản vẽ lắp - Bản vẽ lắp diễn tả hình dạng, kết cấu của sản phẩm và vị trí tương quan giữa các chi tiết của sản phẩm. - Bản vẽ lắp dùng trong thiết kế, lắp ráp và sử dụng sản phẩm. - Hình biểu diễn: hình chiếu, hình cắt diễn tả hình dạng và kết cấu của sản phẩm. - Kích thước: gồm kích thước chung, kích thước các chi tiết. - Bảng kê: gồm số thứ tự, tên gọi chi tiết, số lượng và vật

II. Đọc bản vẽ lắp:

Gồm có 6 bước:

1. Khung tên.
2. Bảng kê.
3. Hình biểu diễn.
4. Kích thước.
5. Phân tích chi tiết.
6. Tổng hợp

thể.

- Khung tên: gồm tên sản phẩm, tỉ lệ.

- HS quan sát sự tương quan giữa hình 13.1 và bảng 13.1

Trình tự đọc	Nội dung cần hiểu	Bản vẽ lắp của vòng đai
1. Khung tên	- Tên gọi sản phẩm - Tỉ lệ bản vẽ	- Bộ vòng đai - 1 : 2
2. Bảng kê	- Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết	- Vòng đai (2) - Đai ốc (2) - Vòng đệm (2) - Bu lông (2)
3. Hình biểu diễn	- Tên gọi hình chiếu, hình cắt (1)	- Hình chiếu bằng - Hình chiếu đứng có cắt cục bộ
4. Kích thước	- Kích thước chung (2) - Kích thước lắp giữ các chi tiết - Kích thước xác định khoảng cách giữa các chi tiết	- 149, 50, 78 - M10 - 50, 110
5. Phân tích chi tiết	- Vị trí của các chi tiết (4)	- Tô màu cho các chi tiết (h 13.3)
6. Tổng hợp Chú ý	- Trình tự tháo, lắp (5) - Công dụng của sản phẩm	- Tháo chi tiết 2 - 3 - 4 -1. Lắp chi tiết 1 - 4 - 3 - 2. - Ghép nối chi tiết hình trụ với các chi tiết khác

-Trình tự đọc bản vẽ lắp gồm những nội dung: Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, phân tích chi tiết và tổng hợp.

- Khung tên gồm những nội dung: Tên gọi sản phẩm là bộ vòng đai, tỉ lệ bản vẽ 1:2.

- Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết: Vòng đai(2), đai ốc(2), vòng đệm(2), bu lông(2).

- Tên gọi hình chiếu, hình cắt bản vẽ lắp của vòng đai: Hình chiếu bằng, hình chiếu đứngcó cắt cục bộ.

- Kích thước thể hiện những kích thước: Kích thước chung(2) là 140,50,78; kích thước lắp giữa các chi tiết M10, kích thước xác định khoảng cách giữa các chi tiết 50,110.

- Vị trí các chi tiết trên bản vẽ: Đai ốc ở trên cùng rồi đến vòng đệm, vòng đai và bu lông M10 ở dưới cùng.

- Trình tự tháo, lắp và công dụng của sản phẩm: Tháo chi tiết 2-3-4-1, lắp chi tiết 1-4-3-2. Công dụng ghép nối chi tiết hình trụ với các chi tiết khác.

	• **Tóm lại:** Trình tự đọc bản vẽ lắp gồm có 6 bước: khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, phân tích chi tiết và tổng hợp.
B. THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN VẼ LẮP ĐƠN GIẢN **I.Chuẩn bị** - Thước, ê ke, compa, bút chì, tẩy... - SGK, vở ghi. **II. Nội dung thực hanh** 1.Khung tên 2. Bảng kê 3. Hình biểu diễn 4. Kích thước 5. Phân tích 6. Tổng hợp	- Thước, ê ke, compa, bút chì, tẩy... - SGK, vở ghi. • Đọc bản vẽ lắp bộ ròng rọc hình 14.1 theo mẫu ở bảng 13.1(bài 13) • Quan sát hình 14.1 bộ ròng rọc 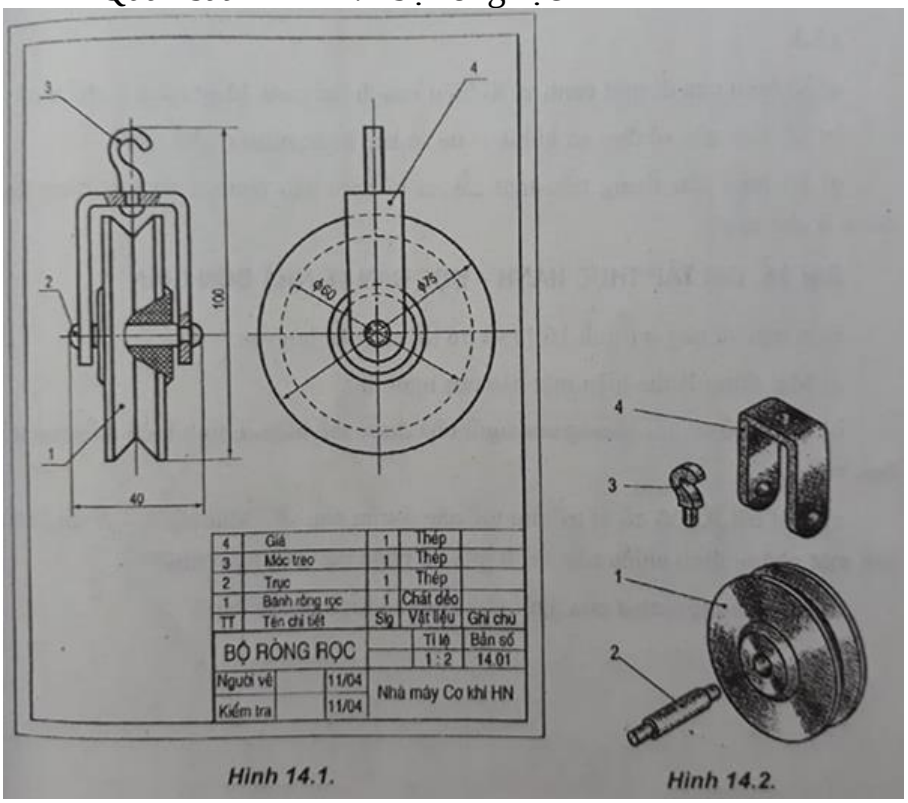 **1. Khung tên** - Tên gọi sản phẩm - Tỉ lệ bản vẽ - Bộ ròng rọc

	- 1:2 **2. Bảng kê** - Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết - Bánh ròng rọc (1), trục (1), móc treo (1), giá (1). **3. Hình biểu diễn** - Tên gọi hình chiếu - Tên gọi hình cắt - Hình chiếu đứng +cạnh - Có cắt cục bộ ở hình chiếu đứng **4. Kích thước** - Kích thước chung của sản phẩm - Kích thước chi tiết - Cao 100 ; rộng 40 ; dài 75 - 75 ; 60 của bánh ròng rọc **5. Phân tích** - Vị trí của các chi tiết - Chi tiết (1) bánh ròng rọc ở giữa, lắp với trục (2), trục được lắp với giá chử U(4), móc treo(3) ở phía trên được lắp với giá chữ U **6. Tổng hợp** - Trình tự tháo lắp - Công dụng sản phẩm - Dũa 2 đầu trục tháo cụm 1-2, sau đó dũa đầu móc treo tháo cụm 3-4. - Lắp cụm 3-4 tán đầu móc treo sau đó lắp cụm 1-2 và tán 2 đầu trục. - Dùng để năng vật nặng lên cao.
III. Các bước tiến hành	

-Đọc bản vẽ bộ ròng rọc theo các bước như ví dụ bản vẽ lắp bài 13

-Kẻ theo mẫu bảng 13.1 vào tập

- Quan sát hình 14.1(bộ ròng rọc) và dựa vào mẫu bảng 13.1 ta có được các bước đọc bản vẽ bộ ròng rọc như sau:

Trình tự đọc	Nội dung	Đọc bản vẽ "Bộ ròng rọc"
1. Khung tên	- Tên gọi sản phẩm: - Tỉ lệ bản vẽ:	- Bộ ròng rọc - 1:2
2. Bảng kê	- Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết :	1. Bánh ròng rọc- 1cái – làm bằng chất dẻo. 2. Trục 1cái- làm bằng thép. 3. Móc treo 1 cái bằng thép. 4. Giá chữ u 1 cái bằng thép.
3. Hình biểu diễn	-Tên gọi hình chiếu : - Hình cắt	- 2 hình chiếu : đứng và cạnh. - Hình cắt cục bộ trên hình chiếu đứng.
4. Kích thước	- Kích thước chung: - Kích thước chi tiết	- Cao 100mm, rộng 40mm, dài 75mm. - Bánh ròng rọc có đường kính rãnh là 60mm.
5.Phân tích chi tiết	- Vị trí các chi tiết (yêu cầu vẽ hình chiếu và tô màu từng chi tiết khác màu nhau)	- Vẽ hình chiếu và tô màu các chi tiết theo ý thích , mục đích là phải phân biệt được rõ vị trí từng chi tiết một.
6. Tổng hợp	- Trình tự tháo, lắp - Công dụng của sản phẩm	- Dũa 2 đầu trục /tháo cụm2-1 /Dũa đầu móc treo/ tháo cụm 3-4. - Lắp cụm 3-4/ tán đầu móc treo/ lắp cụm 1-2/ tán 2 đầu trục/hoàn thiện. - Sản phẩm lắp xong dung để nâng vật lên cao cho dễ dàng.

IV.Nhận xét- Đánh giá

2. CỦNG CỐ: HS trả lời câu các câu hỏi

Câu 1: Thế nào là bản vẽ lắp? Bản vẽ lắp dùng để làm gì?

Câu 2: Hãy nêu trình tự đọc bản vẽ lắp?

3.DẶN DÒ:

- Học sinh chép nội dung ghi bài vào tập, trả lời câu hỏi phần củng cố vào tập và học bài.

- Học bài 13,14 và chuẩn bị bài 15,16: BẢN VẼ NHÀ- THỰC HÀNH:ĐỌC BẢN VẼ NHÀ ĐƠN GIẢN

4. CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, TRỞ NGẠI CỦA HỌC SINH KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP

Trường:
Lớp:
Họ tên học sinh:

Môn học	**Nội dung học tập**	**Câu hỏi của học sinh**
Công nghệ	Mục I: ….	1. 2. 3.

Mọi thắc mắc HS vui lòng liên hệ qua địa chỉ mail và sđt.

Họ và tên GVBM	**Vương Thị Thủy**
Số điện thoại	0906706009
EMAIL	vuongthuydb@gmail.com
Lớp dạy	8/1 đến 8/9

Chúc các em học tốt !

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN CÔNG NGHỆ - LỚP 8

Tuần: 8

Tiết: 8

Bài 15,16: **BẢN VẼ NHÀ**

THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN VẼ NHÀ ĐƠN GIẢN

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN

NỘI DUNG HS GHI VÀO TẬP	NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HS
I.Nội dung bản vẽ nhà: -Bản vẽ nhà là một loại bản vẽ xây dựng thường dùng. +Bản vẽ nhà gồm các hình biểu diễn (mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt) và các số liệu xác định hình dạng, kích thước, cấu tạo của ngôi nhà. +Bản vẽ nhà được dùng trong thiết kế và thi công xây dựng ngôi nhà. a) Mặt bằng: Là hình cắt mặt bằng của ngôi nhà. Diễn tả vị trí, kích thước (rộng - dài) các tường,cửa đi cửa sổ, cột, các thiết bị đồ đạc ... Mặt bằng là hình biểu diễn quan trọng nhất của bản vẽ nhà. b) Mặt đứng: Là hình chiếu vuông góc các mặt ngoài của ngôi nhà. Diễn tả: hình	• Quan sát hình ảnh bản vẽ nhà sau: 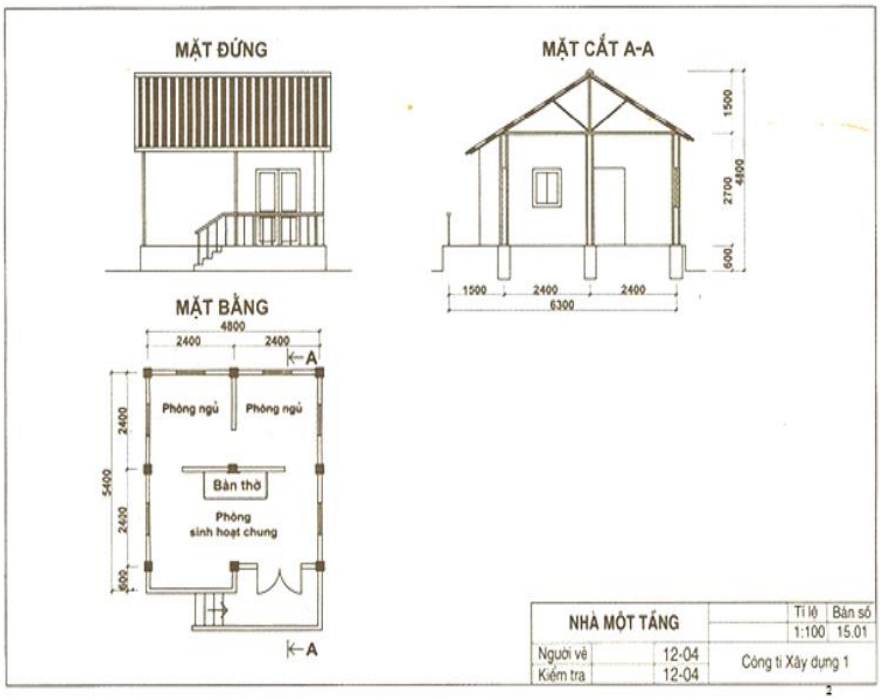 *** Ta thấy:** - Bản vẽ nhà là một loại bản vẽ xây dựng. - Bản vẽ nhà được dùng trong thiết kế và thi công xây dựng ngôi nhà. - Bản vẽ nhà có các hình biểu diễn: Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt. - Mặt bằng là hình cắt. - Mặt bằng diễn tả các bộ phận: Vị trí, kích thước, thiết bị,

dạng bên ngoài gồm các mặt chính, mặt bên, sau, ...

c) Mặt cắt: Là hình cắt có mặt phẳng cắt song song mặt phẳng chiếu đứng hoặc mặt phẳng chiếu cạnh. Diễn tả: các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao (cao tường cao mái, cao cửa, ...).

đồ đạc của ngôi nhà.

- Mặt đứng là hình chiếu

- Mặt đứng diễn tả bộ phận: Diễn tả mặt chính, hình dạng bên ngoài, lan can của ngôi nhà.

- Mặt cắt là hình cắt

- Mặt cắt dùng để biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao.

II. Kí hiệu quy ước một số bộ phận của ngôi nhà:

Trên bản vẽ nhà thường dùng những kí hiệu quy ước để vẽ một số bộ phận của ngôi nhà.

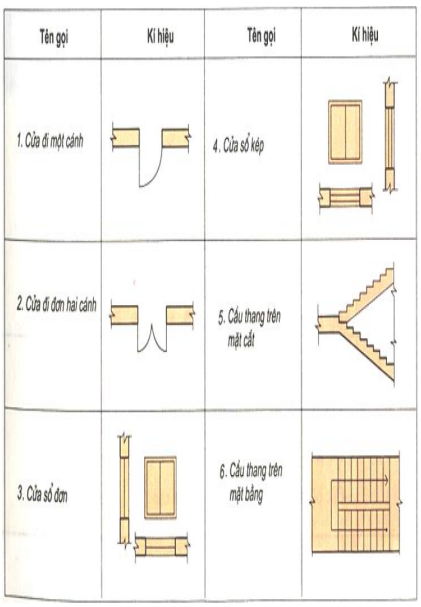

- Quan sát bảng 15.1

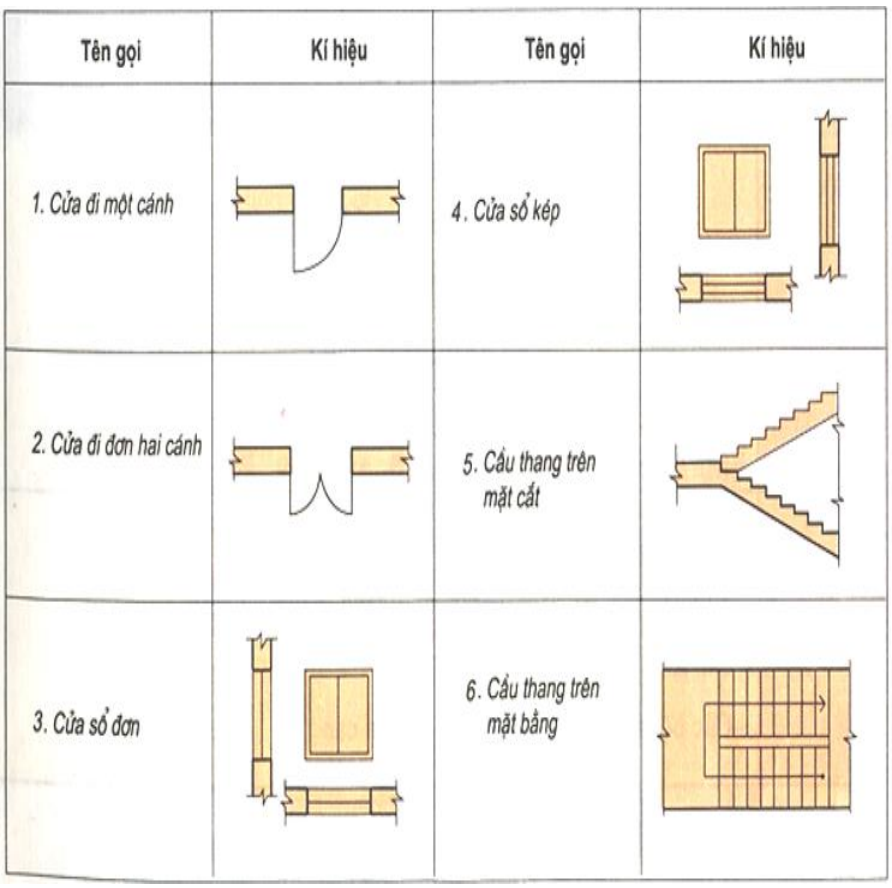

III. Đọc bản vẽ nhà:

Trình tự đọc bản vẽ gồm có 4 bước:

1. Khung tên.
2. Hình biểu diễn.
3. Kích thước.
4. Các bộ phận

- Kí hiệu cửa đi 1 cánh và 2 cánh được diễn tả ở trên hình chiếu bằng

- Kí hiệu cửa sổ đơn và cửa sổ kép cố định được diễn tả ở trên các hình biểu diễn: Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt cạnh

- Kí hiệu cầu thang mô tả cầu thang ở trên hình biểu diễn mặt bằng, mặt cắt.

- Quan sát nội dung của bản vẽ nhà 1 tầng sau:

Trình tự đọc	Nội dung cần hiểu	Bản vẽ nhà một tầng (h.15.1)
1. Khung Tên	-Tên gọi ngôi nhà -Tỉ lệ bản vẽ	-Nhà một tầng -1:100
2. Hình biểu diễn	-Tên gọi hình chiếu -Tên gọi mặt cắt	-Mặt đđứng -Mặt cắt A-A, mặt bằng
3. Kích thước	-Kích thước chung -Kích thước từng bộ phận	-6300, 4800, 4800 -Phòng sinh hoạt chung: (4800 x 2400) + (2400 x 600) -Phòng ngủ: 2400 x 2400 -Hiêên rộng: 1500 x 2400 -Nền cao: 600 -Tường cao: 2700 -Mái cao: 1500
4. Các bộ phận	-Số phòng -Số cửa đi và cửa sổ -Các bộ phận khác	-3 phòng -1 cửa đi 2 cánh, 6 cửa sổ đơn -1 hiên có lan can. 27

- Trình tự đọc bản vẽ nhà gồm có 4 bước: khung tên, hình biểu diễn, kích thước, các bộ phận.

- Tên gọi của ngôi nhà và tỉ lệ bản vẽ: Nhà 1 tầng, tỉ lệ 1:100.

- Tên gọi hình chiếu và tên gọi mặt cắt: Mặt đứng, mặt cắt A-A, mặt bằng.

- Các kích thước của bản vẽ nhà 1 tầng: Kích thước chung,

	kích thước từng bộ phận. - Các bộ phận của bản vẽ nhà một tầng +Số phòng: 3 phòng. + Số cửa đi và số cửa sổ: 1 cửa đi 2 cánh, 6 cửa sổ đơn. + Các bộ phận khác: 1 hiên có lan can.
B. THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN VẼ NHÀ ĐƠN GIẢN **I.Vật liệu và dụng cụ:** -Dụng cụ vẽ: Thước, êke, compa … -Vật liệu: giấy vẽ khổ A4, bút chì, giấy nháp … -Sách giáo khoa, vở bài tập. -Tài liệu: bản vẽ nhà ở. **II. Nội dung:** • Nắm vững cách đọc bản vẽ nhà. • Đọc bản vẽ nhà ở theo các bước như ví dụ bản vẽ nhà một tầng(hình 16.1) • Kẻ theo mẫu bảng 15.2 bài 15 và ghi phần trả lời vào bảng.	-Dụng cụ vẽ: Thước, êke, compa … -Vật liệu: giấy vẽ khổ A4, bút chì, giấy nháp … -Sách giáo khoa, vở bài tập. -Tài liệu: bản vẽ nhà ở • Đọc bản vẽ nhà ở theo các bước như ví dụ bản vẽ nhà một tầng(hình 16.1) • Kẻ theo mẫu bảng 15.2 bài 15 và ghi phần trả lời vào bảng.

III.Các bước tiến hanh

Nội dung bản vẽ nhà 1 tầng

Trình tự đọc	Nội dung cần tìm hiểu	Bản vẽ nhà ở
1.Khung tên	-Tên gọi ngôi nhà -Tỉ lệ bản vẽ	-Nhà ở -1:100
2.Hình biểu diễn	-Tên gọi hình chiếu -Tên gọi mặt cắt	-Mặt đứng -Mặt cắt A-A, mặt bằng
3.Kích thước	-Kích thước chung -Kích thước từng bộ phận	-10200,6000,5900 -Phòng sinh hoạt chung:3000x4500 -Phòng ngủ:3000x3000 -Hiên:1500x3000 -Khu (bếp, tắm, xí):3000x3000 -Nền:800 -Tường:2900 -Mái cao:2200
4.Các bộ phận	-Số phòng -Số cửa đi và cửa sổ -Các bộ phận khác	-3 Phòng -3 cửa đi và 9 cửa sổ đơn -Hiên có lan can và khu phụ

- Quan sát bản vẽ nhà hình 16.1 sau:

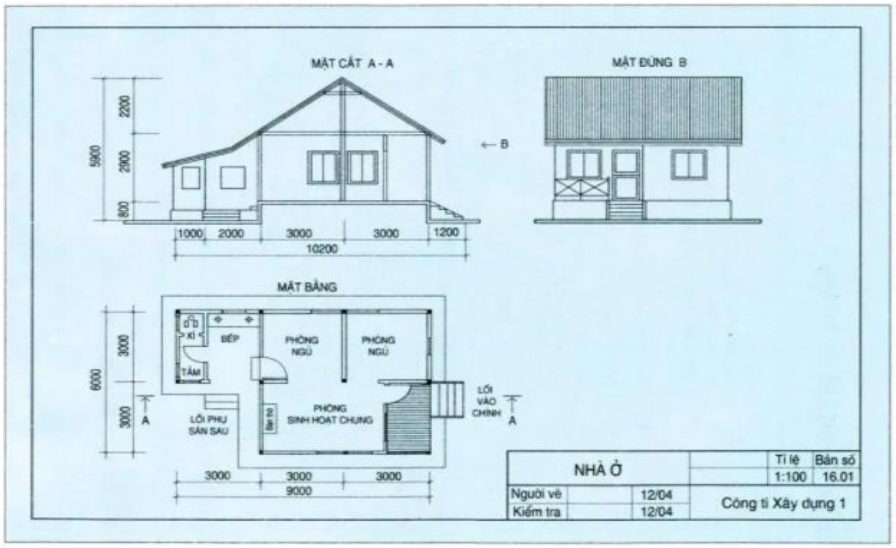

- Bước 1: Đọc khung tên.

- Tên gọi ngôi nhà
- Tỉ lệ bản vẽ

- Bước 2: Phân tích hình biểu diễn.

- Tên gọi hình chiếu
- Tên gọi mặt cắt

- Bước 3: Phân tích kích thước.

Kích thước chung

Kích thước từng bộ phận

- Bước 4: Đọc các bộ phận.

Số phòng

Số cửa đi và cửa sổ

Các bộ phận khác

- **Kết quả thực hành**

Trình tự đọc	Nội dung cần tìm hiểu	Bản vẽ nhà ở
1.Khung tên	-Tên gọi ngôi nhà -Tỉ lệ bản vẽ	-Nhà ở -1:100
2.Hình biểu diễn	-Tên gọi hình chiếu -Tên gọi mặt cắt	-Mặt đứng -Mặt cắt A-A, mặt bằng
3.Kích thước	-Kích thước chung -Kích thước từng bộ phận	-10200,6000,5900 -Phòng sinh hoạt chung:3000x4500 -Phòng ngủ:3000x3000 -Hiên:1500x3000 -Khu (bếp, tắm, xí):3000x3000 -Nền:800 -Tường:2900 -Mái cao:2200
4.Các bộ phận	-Số phòng -Số cửa đi và cửa sổ -Các bộ phận khác	-3 Phòng -3 cửa đi và 9 cửa sổ đơn -Hiên có lan can và khu phụ

3. CỦNG CỐ: HS trả lời câu các câu hỏi

Câu 1: Các hình biểu diễn của bản vẽ thể hiện các bộ phận nào của ngôi nhà? Hình biểu diễn nào là quan trọng nhất?

Câu 2: Hãy nêu trình tự đọc bản vẽ nhà?

4. DẶN DÒ:

- Học sinh chép nội dung ghi bài vào tập, trả lời câu hỏi phần củng cố vào tập và học bài.
- Học bài 15,16và chuẩn bị bài **ÔN TẬP**

4. CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, TRỞ NGẠI CỦA HỌC SINH KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP

Trường:
Lớp:
Họ tên học sinh:

Môn học	**Nội dung học tập**	**Câu hỏi của học sinh**
Công nghệ	Mục I: ….	1. 2. 3.

Mọi thắc mắc HS vui lòng liên hệ qua địa chỉ mail và sđt.

Họ và tên GVBM	**Vương Thị Thủy**
Số điện thoại	0906706009
EMAIL	vuongthuydb@gmail.com
Lớp dạy	8/1 đến 8/9

Chúc các em học tốt !

Thứ ....., ngày ..... tháng ....., năm .....

TUẦN 7 - Tiết 7 - Bài 7: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI CÁC NƯỚC CHÂU Á

1. Vài nét về lịch sử phát triển của các nước châu Á (HS đọc sgk)

2. Đặc điểm phát triển kinh tế-xã hội của các nước và lãnh thổ châu Á hiện nay

- Sau chiến tranh thế giới lần thứ 2, nền kinh tế các nước châu Á có nhiều chuyển biến mạnh mẽ theo hướng …….
- Trình độ phát triển kinh tế giữa các nước và các vùng lãnh thổ……..
- Có …….nhóm nước:

Nhóm nước	**Đặc điểm phát triển kinh tế- xã hội**	**Tên nước và vùng lãnh thổ**
…….	Kinh tế-xã hội phát triển toàn diện	…… ……
…….	Công nghiệp hóa cao và nhanh	…… ……
…….	Công nghiệp hóa nhanh, nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng	…… ……
	Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp	…… ……

- Hiện nay ở châu Á số lượng các quốc gia có thu nhập thấp, đời sống nhân dân nghèo khổ còn chiếm ……..

DẶN DÒ VÀ BÀI TẬP

- **HS chép vào vở và điền vào những chỗ trống để hoàn chỉnh bài học 7**
- **Làm câu hỏi bài tập 1 và 3/trang 24 SGK**
- **Học bài , xem lại từ bài 1 → 7**
- **Chuẩn bị cho : TUẦN 8 - Tiết 8 - ÔN TẬP để KIỂM TRA 1 TIẾT vào TUẦN 9**

CÂU HỎI

<u>Câu 1</u>: Em hãy cho biết, tại sao Nhật Bản lại trở thành nước phát triển sớm nhất của châu Á (trang 22 SGK)

<u>Câu 3</u>: Dựa vào hình 7.1/trang 24 SGK, hãy thống kê tên các nước vào các nhóm có thu nhập như nhau và cho biết số nước có thu nhập cao tập trung nhiều nhất ở khu vực nào?

***Thu nhập thấp:** ……..

***Thu nhập trung bình dưới:** ……..

***Thu nhập trung bình trên:** ……...

***Thu nhập cao:** ……...

=> **Số nước có thu nhập cao tập trung nhiều nhất ở khu vực:** ……...

Thứ ....., ngày ..... tháng ....., năm .....

TUẦN 8 - Tiết 8 - ÔN TẬP

TUẦN 9 - Tiết 9 - KIỂM TRA 1 TIẾT

Từ bài 1 → 7

***LÝ THUYẾT: Ôn lại các phần trả lời của câu hỏi giữa bài và cuối bài**

***KỸ NĂNG: - Đọc lược đồ, đọc bảng số liệu**

- Nhận xét và giải thích

***HÌNH THỨC KIỂM TRA: 2 phần**

- Phần lý thuyết: Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm): 12 câu, mỗi câu 0,5 điểm.

- Kỹ năng: Câu hỏi tự luận (4 điểm) - HS có thể sử dụng Tập bản đồ Địa lí 8 để làm bài kiểm tra.

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- HS làm bài kiểm tra trên Google form hoặc KitKul

DẶN DÒ

- **HS ôn lại bài theo hướng đẫn của GV**
- **TUẦN 9 - KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**
- **Chuẩn bị tiếp bài cho Tuần 10 – Bài 8: "TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á" (HS đọc và trả lời các câu hỏi giữa bài, cuối bài)**

Tuần 7: Nội dung học tập GDCD 8

Bài 5: PHÁP LUẬT VÀ KỈ LUẬT

BÀI TẬP

Câu 1: Có người cho rằng, pháp luật chỉ cần với những người không có tính kỉ luật, tự giác. Còn đối với những người có ý thưc kỉ luật thì pháp luật không cần thiết. Quan niệm đó đúng hay sai? Tại sao?

Câu 2: Bản nội quy của nhà trường, những quy định của một cơ quan có thể coi là pháp luật được không? Tại sao?

Câu 3: Trong những buổi sinh hoạt Đội, có một số bạn đến chậm:

a) Chi đội trưởng nhắc nhở, phê bình mấy bạn đó là thiếu kỉ luật Đội.

b) Các bạn nói trên giải thích lại: Đội là hoàn toàn tự nguyện, tự giác, không thể coi đến chậm là thiếu kỉ luật.

Em đồng tình với hành vi của Chi đội trưởng hay quan niệm của các bạn đến chậm? Vì sao?

Câu 4: Tắc nghẽn giao thông ở một số thành phố lớn hiện nay do nhiều nguyên nhân. Có nguyên nhân nào liên quan đến ý thức của người tham gia giao thông không? Em thử nêu các biện pháp khắc phục?

Tuần 8

Bài 21: Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

A. Kiến thức trọng tâm

I. Đặt vấn đề

Gợi ý trả lời câu hỏi:

a) Em hãy nêu nhận xét của em về điều 74 Hiến pháp và Điều 132 Bộ luật Hình sự.

- Điều 74 Hiến pháp quy định vè quyền khiếu nại, tố cáo của công dân nhưng khiếu nại, tố cáo phải đúng luật.
- Điều 132 Luật Hình sự năm 1999 nói về việc người nào xâm phạm đến quyền khiếu nạo, tố cáo, trả thù người khiếu nại, tố cáo bị nhà nước xử lí theo pháp luật.

b) Khoản 2 điều 132 Bộ luật hình sự thể hiện đặc điêm gì của pháp luật?

- Điều 132 khoản 2 có Bộ luật Hình sự thể hiện đặc điểm tính bắt buộc (tính cưỡng chế) của Pháp luật.

c) Hành vi đốt, phá rừng trái phép hoặc hủy hoại rừng bị xử lí như thế nào? Tại sao?

- Hành vi đốt, phá rừng trái phép hoặc hủy hoại rừng tủy theo mức độ bị phạt tiền, phạt bù. Bởi vì, rừng là tài sản quốc gia, nếu có hành vi đốt, phá rừng trái phép hoặc hủy hoại rừng là hủy hoại tài sản quốc gia phải bồi thường tiền và phạt tù cải tạo hoặc giam giữ tùy theo tội trạng.

II. Nội dung bài học

**** Khái niệm***: Pháp luật là những quy tắc xử xự chung, có tính bắt buộc, do Nhà nước ban hành, được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.

**** Đặc điểm:***

- Tính quy phạm phổ biến: Các quy định của pháp luật là thước đo hành vi của mọi người, có tính phổ biến chung, được áp dụng nhiều lần trong phạm vi rộng lớn.
- Tính xác định chặt chẽ: Các điều luật được quy định rõ ràng, chính xác, chặt chẽ, thể hiện trong các văn bản pháp luật.

- Tính bắt buộc: Pháp luật do nhà nước ban hành, mang tính quyền lực, bắt buộc mọi người phải tuân theo, không phụ thuộc vào sở thích của bất cứ ai.

**** Bản chất.***

- Thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đưới sự lãnh đạo của ĐảngCộng sản Việt Nam.
- Thể hiện quyền làm chủ của nhân dân Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

**** Vai trò của pháp luật:***

- Công cụ quản lí nhà nước, quản lí kinh tế, văn hóa xã hội.
- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.
- Là phương tiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân.
- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đảm bảo công bằng xã hội.

B. BÀI TẬP

Câu 1: Bình là học sinh chậm tiến, Bình thường xuyên vi phạm nội quy của nhà trường như đi học muộn, không làm đủ bài tập, mất trật tự trong giờ học, đôi lần còn đánh nhau với các bạn trong trường. Theo em, ai có quyền xử lí những vi phạm của Bình? Trong các hành vi trên của Bình, hành vi nào là vi phạm pháp luật?

_____
_____
_____
_____
_____

Câu 2: Em hãy cho biết tại sao nhà trường phải có nội quy. Biện pháp để đảm bảo cho nội quy được thực hiện? Nếu không có nội quy thì trường học sẽ ra sao ? Hãy hình dung nhà trường như một xã hội thu nhỏ và thử tưởng tượng một xã hội không có pháp luật thì sẽ như thế nào. Giải thích vì sao mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

_____
_____
_____
_____
_____

Câu 3: Điều 105 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ và quyền của anh, chị, em như sau: "Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con".

Câu hỏi:

a) Hãy tìm một câu ca dao, tục ngữ nói về quan hệ giữa anh chị em.

b) Việc thực hiện bổn phận trong ca dao, tục ngữ dựa trên cơ sở nào? Nếu không thực hiện có bị xử phạt không? Hình thức phạt là gì?

c) Nếu vi phạm Điều 105 của Luật Hôn nhân và gia đình thì có bị xử phạt không? vì sao?

DẶN DÒ:

Ôn bài 1,2,3,4 kiểm tra 1 tiết tuần 9

NỘI DUNG TUẦN 7,8 HÓA 8

Tiết 13 Bài 10 **HÓA TRỊ** (t t)

2. **Vận dụng :**

b. **Lập công thức hóa học của hợp chất** (khi biết hóa trị của nguyên tố)

ví dụ 1 : Lập công thức hóa học của hợp chất tạo bởi nguyên tố sulfur (IV) và oxygen O

* **Phuong pháp**	Giải
- Công thức hóa học chung $\overset{a}{A_x}\ \overset{b}{B_y}$	- CTHH chung $\overset{IV}{S_x}\ \overset{II}{O_y}$
- Quy tắc hóa trị x .a = y. b	- quy tắc hóa trị x.IV = y.II
- Tỉ lệ $\frac{x}{y} = \frac{b}{a} = \frac{b'}{a'}$	- Tỉ lệ $\frac{x}{y} = \frac{II}{IV} = \frac{1}{2}$
- x = b' , y = a' (a' b' là số nguyên đơn giản nhất)	- x = 1 , y = 2
- Viết CTHH (nếu x=1, y=1 thì không cần ghi chỉ số 1)	- CTHH : SO_2

Ví dụ 2 : lập CTHH của hợp chất gồm nguyên tố barium Ba và nhóm (SO_4)

- $\overset{II}{Ba_x}\ \overset{II}{(SO_4)_y}$
- x .II = y . II
- $\frac{x}{y} = \frac{II}{II} = \frac{1}{1}$
- x = 1 , y = 1
- CTHH $Ba(SO_4) = BaSO_4$

*** BT 5/ 38 sgk**

a.Lập công thức hóa học của hợp chất tạo bởi nguyên tố:

- P (III) và H
- C (IV) và S (II)
- Fe (III) và O

b. Lập công thức hóa học của hợp chất tạo bởi nguyên tố và nhóm nguyên tử :

- Na (I) và (OH) (I)
- Cu(II) và (SO_4)(II)
- Ca(II) và (NO_3) (I)

Hướng dẫn giải

a. – Làm tương tự như ví dụ 1 (đáp án : PH_3 , CS_2 , Fe_2O_3

b. – tương tự ví dụ 2 (nếu y=1 thì bỏ dấu ngoặc của nhóm , nếu y >1 thì vẫn giữ nguyên ngoặc đơn của nhóm nguyên tử)

Đáp án : NaOH , $CuSO_4$, $Ca(NO_3)_2$

Bài tập 7/37 sgk

Hãy chọn công thức hóa học phù hợp với hóa trị IV của nitrogen N trong số các công thức cho sau đây :

NO , N_2O_3 , N_2O , NO_2

Gợi ý : -gắn hóa trị IV vào nguyên tố N và hoá trị II vào O

- áp dụng quy tắc hóa trị kiểm tra tích giữa chỉ số và hóa trị cuả 2 nguyên tố bằng nhau thì công thức hóa học đó đúng (đáp án : NO_2)

Tiết 14 Bài 11

BÀI LUYỆN TẬP 2

I- Kiến thức cần nhớ

1. Công thức hóa học

a. Chất được biểu diễn bằng công thức hóa học

* Đơn chất

A (đơn chất kim loại và vài phi kim)	A_x (đơn chất khí , thường x = 2)
copper : Cu ; sodium : Na ; sulfur : S	Khí oxygen : O_2 ; khí hydrogen : H_2

* Hợp chất : A_xB_y / $A_xB_yC_z$

Ví dụ : nước : H_2O ; sulfuric acid : H_2SO_4

b. Mỗi công thức hóa học chỉ một phân tử chất

Ví dụ : O_2 : một phân tử oxygen

H_2O : một phân tử nước

c. Công thức hóa học cho biết 3 ý : - những nguyên tố tạo nên chất

- số nguyên tử mỗi nguyên tố trong 1 phân tử chất
- phân tử khối của chất

2. Hóa trị : là con số biểu thị khả năng liên kết của nguyên tử hay nhóm nguyên tử

Hợp chất : $A_x^{a}\ B_y^{b}$ (A , B : nguyên tử hoặc nhóm nguyên tử; a , b là hóa trị của A,B)

Quy tác hóa trị x . a = y . b

a) Tính hóa trị nguyên tố : → $a = \frac{y.\ b}{x}$

ví dụ : Tính hoá trị của : Mn trong MnO_2 ; Fe trong $Fe_2(SO_4)_3$

- $\overset{a}{Mn}\ \overset{II}{O_2}$ → $a = \frac{2\ .\ II}{1} = 4 = IV$
- $\overset{a}{Fe_2}\overset{II}{(SO_4)_3}$ → $a = \frac{3\ .\ II}{2} = 3 = III$

b) Viết CTHH (biết tên nguyên tố → biết được a,b)

$A_x^{a}\ B_y^{b}$

* a = b → x = y = 1 → CTHH A B

* a≠ b → x = b (=b') ; y = b (b') → CTHH : $A_a B_b$ / $A_{a'} B_{b'}$

Ví dụ : II II

$Zn_x O_y$ → Zn O (a = b , x=y=1)

I III

$K_x (PO_4)_y$ → $K_3 PO_4$ (a≠ b)

VI II

$S_x O_y$ Cho S (VI)

→ $S_2 O_6$ → SO_3

* Bài tập 1/ 41 sgk

Tính hóa trị của copper Cu , phophorus P , silicon Si , iron Fe trong các công thức hóa học sau :

$Cu(OH)_2$, PCl_5 , SiO_2 , $Fe(NO_3)_3$

Đáp án : $Cu(OH)_2$ (Cu) a =II

PCl_5 (P) a= V

SiO_2 (Si) a = IV

$Fe(NO_3)_3$ (Fe) a = III

Bài tập 4 / 41 sgk

Viết nhanh công thức hóa học và tính phân tử khối của hợp chất có phân tử gồm potassium K , barium Ba , aluminium Al lần lượt liên kết với a) Cl b) nhóm (SO_4)

Gợi ý : dựa vào bảng nguyên tố hóa học , sẽ biết được hóa trị của nguyên tử (hoặc nhóm nguyên tử) ; nguyên tử khối của nguyên tố)

Đáp án : K Cl PTK = 39 + 35,5 = 74,5 (đvC)

$BaCl_2$ PTK = 137 + 2. 35,5 = 208 đvC

$AlCl_3$ PTK = 133,5 đvC

K_2SO_4 PTK = 2. 39 + 32 + 4.16 = 174

$BaSO_4$ PTk = 233

$Al_2(SO_4)_3$ ptk = 342

Bài tập 2/41 sgk

Cho biết CTHH hợp chất của nguyên tố X với O và hợp chất của nguyên tố Y với H như sau : (X, Y là nguyên tố nào đó) : XO , YH_3

Chọn CTHH nào lad đúng cho hợp chất của X với Y trong số các CT cho sau đây :

A. XY_3 B. X_3Y C. X_2Y_3 D.X_3Y_2 E. XY

Hướng dẫn : dựa vào cách tính a = $\frac{y.\ b}{x}$

CTHH XO → tính hóa trị X → X(II)

CTHH YH_3 → tính hóa trị Y → Y(III)

} Biết hoá trị X và Y → Viết CTHH

Đáp án D

CHƯƠNG 2 : PHẢN ỨNG HÓA HỌC

Tiết 15,16,17 **CHỦ ĐỀ** : SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT - PHẢN ỨNG HÓA HỌC

Phiếu học tập 1

*Quan sát :

a - viên nước đá (rắn) để chảy thành nước (lỏng) → đun sôi nước → ta thấy nước chuyển thành hơi nước (hơi) .

ngược lại , khi sôi nước (hơi) bay lên đọng lại phía trong của nắp ấm (hoặc nồi) lại thành nước (lỏng) → đem nước lỏng cho vào ngăn đá tủ lạnh → nước đá (rắn) .

b-Hòa tan muối ăn vào nước --> dung dịch muối (nước muối) → đun cô cạn → xuất hiện muối trở lại

c- dùng kéo cắt nhỏ một tờ giấy

* nhận xét :

a-nước thay đổi trạng thái

b- muối tan trong nước vẫn giữ nguyên vị mặn

c- tờ giấy thay đổi kích thước

* Kết luận : nước , muối , tờ giấy vẫn giữ nguyên là chất như ban đầu → hiện tượng vật lý

* Làm thí nghiệm :

a- Đun nóng ít đường → đường chuyển dần sang màu vàng → nâu → đen và mùi khét .

b- Đốt nóng 1 viên than → than nóng đỏ → 1 thời gian trở thành tro .

c- Cơm để lâu ngày bị thiu (bị chua)

* nhận xét : đường thay đổi màu sắc và vị (không ngọt nữa)/than thay đổi tính chất , cơm thay đổi vị

* Đường , than , cơm đã thay đổi tính chất của chất , không giữ nguyên như ban đầu → hiện tượng hóa học .

I- Sự biến đổi chất

1/ Hiện tượng vật lý : là hiện tượng chất biến đổi mà vẫn giữ nguyên là chất ban đầu .

Ví dụ : đun sôi nước , cắt nhỏ giấy , uốn cong một sợi dây đồng ...

2/ Hiện tượng hóa học : là hiện tượng chất biến đổi có tạo ra chất khác

Ví dụ : Đun nóng đường , đốt cháy tờ giấy , cơm bị thiu .

Củng cố

Hãy chỉ ra 3 hiện tượng vật lý và 3 hiên tượng hóa học mà em quan sát hoặc thấy được trong đời sống .

Giải thích .

Bài tập 2,3/ 47 sgk

2. Trong số những quá trình kể dưới đây, cho biết đâu là hiện tượng hoá học, đâu là hiện tượng vật lí. Giải thích.

a) Lưu huỳnh cháy trong không khí tạo ra chất khí mùi hắc (khí lưu huỳnh đioxit).

b) Thuỷ tinh nóng chảy được thổi thành bình cầu.

c) Trong lò nung đá vôi, canxi cacbonat chuyển dần thành vôi sống (canxi oxit) và khí cacbon đioxit thoát ra ngoài.

d) Cồn để trong lọ không kín bị bay hơi.

3. Khi đốt nến (làm bằng parafin), nến chảy lỏng thấm vào bấc. Sau đó, nến lỏng chuyển thành hơi. Hơi nến cháy trong không khí tạo ra khí cacbon đioxit và hơi nước.

Hãy phân tích và chỉ ra ở giai đoạn nào diễn ra hiện tượng vật lí, giai đoạn nào diễn ra hiện tượng hoá học. Cho biết : Trong không khí có khí oxi và nến cháy là do có chất này tham gia.

Gợi ý

- hiện tượng vật lý vì không tạo ra chất mới (chỉ ra được chất thay đổi hình dạng , kích thước , không thay đỏi tính chất)

- hiện tượng hóa học vì có tạo ra chất mới (thay đổi về tính chất màu sắc , vị , mùi, bị cháy , tỏa nhiệt..)

Đáp án : hiện tượng vật lý b) d)

hiện tượng hóa học a) c)

<u>Phiếu học tập 2</u>

Quan sát thí nghiệm đun <u>đường</u> : đường chuyển thành *than và* có hơi bốc lên *(* là *hơi nước*)

Thí nghiệm đốt than : than <u>(carbon</u>) kết hợp với <u>oxygen</u> trong không khí đã chuyển thành khí *carbon dioxide* gây ô nhiễm môi trường

→ chất <u>đường , than , oxygen</u> : là chất ban đầu (phản ứng) ; *than , hơi nước , carbon dioxide :* là chất tạo thành

→ quá trinh đường hoặc than bị biến đổi tạo thành chất khác gọi là phản ưng hóa học .

- Dùng phương trình chữ để biểu diễn cho phản ứng hoá học

II- <u>Phản ứng hóa học</u>

1) <u>Định nghĩa</u>:

<u>a) Phản ứng hóa học</u> là quá trình biến đổi chất này thành chất khác

- *<u>Chất tham gia</u> (chất phản ứng)* là chất ban đầu bị biến đổi trong puhh
- *<u>Chất tạo thành</u> (sản phẩm)* là chất mới sinh ra

2) <u>Phương trình chữ :</u>

Tên các chất phản ứng → Tên các sản phẩm

Ví dụ

a) Nung nóng lưu huỳnh và bột sắt thu được sắt (II) sunfua

Lưu huỳnh + sắt → Sắt (II) sunfua.

b) Đun nóng đường , đường chuyển thanh than và nước

Đường → than + Nước

Phiếu học tập 3

- Khi các chất phản ứng chính là các phân tử phản ưng với nhau

- Quan sát sơ đồ phản ứng hóa học giữa khí hydrogen và oxygen tạo ra nước

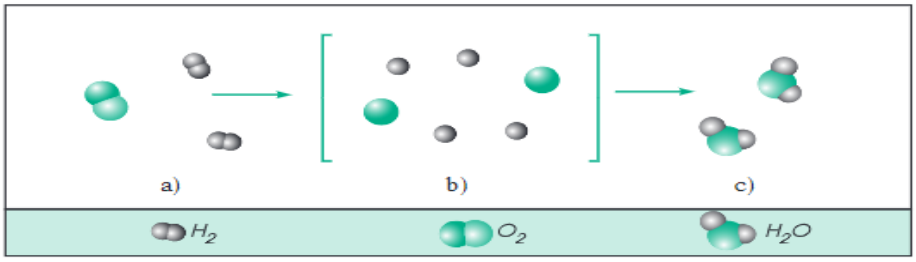

Hình 2.5
Sơ đồ tượng trưng cho phản ứng hoá học giữa khí hiđro và khí oxi tạo ra nước

- a) trước phản ứng , b) trong quá trình phản ứng , c) sau phản ứng

? Trước phản ưng nhứng nguyên tử nào liên kết với nhau ?

? sau phản ưng những nguyên tử nào liên kết với nhau

? trong quá trinh phản ưng , số nguyên tử H và O có giữ nguyên không ?

? các phân tử trước và sau phản ứng có khác nhau không ?

→ kết luận : số nguyên tử trước và sau phản ứng giữ nguyên , còn phân tử thì thay đổi

2. Diễn biến của phản ứng hoá học:

Trong phản ứng hóa học , chỉ có liên kết giữa các nguyên tử thay đổi làm phân tử này biến đổi thành phân tử khác

Bài tập 3/50 sgk

Ghi lại phương trình chữ của phản ứng cây nến cháy (xem bài tập 3/47 sgk ở trên)

Bài tập 5/ 51 sgk

Bỏ quả trứng vào dung dịch hydrochloric acid thấy sủi bọt khí ở vỏ trứng .Biết rằng hydrochloric acid đã tác dụng với calcium carbonate (chất có trong vỏ trứng) , tạo ra calcium chlorite , nước và carbon dioxide thoát ra .

Hãy viết phương trình chữ của phản ứng .

Gợi ý : xác định TÊN chất tham gia (ban đầu) , TÊN chất tạo thành (sau phản ứng) → viết thành phương trình chữ

BẢNG MỘT SỐ NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

Số proton	Tên nguyên tố	Ký hiệu hóa học	Nguyên tử khối	Hóa trị
1	Hydrogen	H	1	I
2	Helium	He	4	
3	Lithium	Li	7	I
6	Carbon	C	12	IV , II
7	Nitrogen	N	14	III , II , IV…
8	Oxygen	O	16	II
11	Sodium	Na	23	1
12	Magnesium	Mg	24	II
13	Aluminium	Al	27	III
14	Silicon	Si	28	IV
15	Phosphorus	P	31	III , V
16	Sulfur	S	32	II , IV , VI
17	Chlorine	Cl	35,5	I,…
19	Potassium	K	39	I
20	Calcium	Ca	40	II
25	Manganese	Mn	55	II , IV , VII…
26	Iron	Fe	56	II, III
29	Copper	Cu	64	I , II
30	Zinc	Zn	65	II
35	Bromine	Br	80	I …
47	Silver	Ag	108	I
56	Barium	Ba	137	II
80	Mercury	Hg	201	I , IV
82	Lead	Pb	207	II, IV

HÓA TRỊ CỦA MỘT SỐ NHÓM NGUYÊN TỬ

Tên nhóm	Hóa trị
Hydroxide **(OH)** , *nitrate* **(NO_3)**	I
Sulfate (**SO_4**) , *sulfite* (**SO_3**) , *carbonate* (**CO_3**)	II
Phosphate (**PO_4**)	III

LỊCH SỬ 8
CHỦ ĐỀ 3:
PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

I. Phong trào công nhân nửa đầu thế kỉ XIX và sự ra đời của chủ nghĩa Mác:

1. Phong trào công nhân nữa đầu thế kỉ XIX

a. Phong trào đập phá máy móc và bãi công:

+ ***Nguyên nhân*:** Do bị TS bóc lột nặng nề➔ CN đấu tranh

+ *Hình thức đấu tranh*:

- Phong trào đập phá máy móc, đốt công xưởng
- Bãi công

+ *Kết quả:* Thành lập các tổ chức công đoàn

b. Phong trào công nhân trong những năm 1830-1840:

- *Pháp*: 1831CN dệt tơ thành phố Li-Ông khởi nghĩa
- *Đức:* 1844 CN dệt Sơ-lê-đin
- *Anh*: 1836-1848 Phong trào hiến chương

➔ Đoàn kết đấu tranh, trở thành lực lượng chính trị độc lập, đấu tranh chính trị chống lại G/c TS.

+ Kết quả: Thất bại

+ Ý nghĩa:

- Đánh dấu sự trưởng thành của phong trào công nhân quốc tế
- Tạo tiền đề cho sự ra đời của lí luận cách mạng

2.Sự ra đời của Chủ nghĩa Mác:

a. Mác và Ăng ghen: Tiểu sử: (SGK)

➔ Cùng có tư tưởng: Đấu tranh chống CNTB, xây dựng 1 XH tiến bộ.

b. Đồng minh những người cộng sản và tuyên ngôn của Đảng cộng sản:

+ Đồng minh những người cộng sản: Chính là đảng độc lập đầu tiên của Vô sản quốc tế
+ Tuyên ngôn của Đảng cộng sản:

- Hoàn cảnh ra đời:

+ Do yêu cầu phát triển của P/t CN quốc tế đòi hỏi phải có lí luận C/m
+ Tháng 2/1848: Tuyên ngôn ĐCS được tuyên bố

- Nội dung:

+ Nêu rõ quy luật phát triển của xã hội loài người là sự thắng lợi của Chủ nghĩa xã hội.
+ Giai cấp vô sản là lực lượng….
+ Nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế.

- Ý nghĩa: là vũ khí lí luận của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

II. Phong trào công nhân quốc tế nửa sau thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XIX

1. Phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX

a. Phong trào Công nhân từ năm 1848 đến năm 1870 Quốc tế thứ nhất:

** Phong trào Công nhân từ 1848-1870:*

- Phong trào tiếp tục phát triển➔ CN trưởng thành trong đấu tranh, nhận thức rõ về g/c của mình và tinh thần đoàn kết quốc tế.

**** Quốc tế thứ nhất:***

- Thành lập: 28/9/1864
- Hoạt động:

+ Truyền bá học thuyết mác vào phong trào công nhân.

+ Đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy phong trào phát triển.

- Ý nghĩa: Thúc đẩy p/t CN quốc tế tiếp tục phát triển

b. Phong trào công nhân quốc tế cuối TK XIX, Quốc tế thứ hai

**Phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX:*

- Phong trào công nhân quốc tế cuối TK XIX phát triển rộng rãi ở nhiều nước Anh, Pháp, Mỹ …Đấu tranh quyết liệt chống giai cấp tư sản.
- Sự thành lập các tổ chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân ở các nước
- Ngày 1/5 làm ngày quốc tế lao động.

****Quốc tế thứ 2:***

- Ngày14/7/1889, Quốc té thứ 2 được thành lập ở Pari
- Hoạt động: sgk
- Ý nghĩa : Thúc đẩy phong trào công nhân Quốc tế đầu tranh hợp pháp đòi cải thiện đời sống, tiền lương,ngày lao động.

2.Phong trào công nhân Nga và cuộc cách mạng 1905-1907

a. Lê-nin và việc thành lập Đảng vô sản kiểu mới ở Nga

- Lê nin sinh ngày 22/4/1870 trong 1 gia đình nhà giáo tiến bộ.
- Tham gia CM chống Nga hoàng từ thời SV.
- 1893 trở thành người lãnh đạo công nhân Macxit ở Pê-téc-bua.
- 1903 Đảng công nhân XH dân chủ Nga thành lập.

➔ Đảng XH dân chủ Nga là đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

b. Cách mạng Nga (1905-1907)

a. Nguyên nhân

- Đất nước khủng hoảng nghiêm trọng
- Mâu thuẫn XH gay gắt

➔ CM Nga bùng nổ

b. Diễn biến: SGK

c. Kết quả: Đều bị đàn áp

d.Ý nghĩa:

- Giáng 1 đòn chí tử vào GCTS và địa chủ .

- Làm suy yếu chế độ Nga Hoàng
- Là bước chuẩn bị cho cuộc CMXHCN năm 1917.

III.Cao trào cách mạng 1918- 1923. Quốc tế cộng sản

1. Cao trào cách mạng 1918 -1923:

- Phong trào lan rộng khắp châu Âu :
+ *Đức* : Chế độ quân chủ bị lật đổ. Khủng hoảng mọi mặt .
+ *Hung-ga-ri:*1- 1918 Đảng cộng sản thành lập
- 21-3-1919 nước Cộng hoà Xô viết Hung ga-ri ra đời tồn tại 133 ngày.

2. Quốc tế cộng sản thành lập:

- *Hoàn cảnh:*
  + Phong trào c/mạng châu Âu phát triển mạnh
  + Một loạt các Đảng cộng sản ra đời .
  + Yêu cầu cấp thiết của cách mạng thế giới cần có một tổ chức quốc tế để lãnh đạo .
  + Ngày 2-3-1919 Quốc tế CS ra đời .

- *Hoạt động :*
+ Từ 1919 đến 1943 : 7 đại hội
+ Trong đại hội II sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc thuộc địa

KHỐI 8 – TUẦN 7

CHỦ ĐỀ 3

BÀI 1: TRÌNH BÀY KHẨU HIỆU (2 tiết)

<u>Tiết 2</u>

<u>4. NHẬT XÉT ĐÁNH GIÁ BÀI VẼ THỰC HÀNH TIẾT TRƯỚC</u>

- Bố cục chữ trên giấy

- Kiểu chữ

5. THỰC HÀNH TÔ MÀU

- Màu chữ đậm thì màu nền nên nhạt và ngược lại

- Chú ý hòa sắc hài hòa, nổi bật được chữ

TUẦN 8

CHỦ ĐỀ 3

BÀI 2: TRANH CỔ ĐỘNG

TIẾT 1

1) <u>QUAN SÁT NHẬN XÉT:</u>

- **Tranh cổ động là gì?**
- **Tranh đặt ở đâu?**
- **Hình ảnh và màu sắc thé nào?**
- **Có đặc điểm gì? Chữ? Màu sắc?**

2) <u>CÁCH VẼ TRANH CỔ ĐỘNG:</u>

- Tìm hiểu nội dung
- Tìm mảng chữ và mảng hình ảnh minh họa
- Tìm màu

3) THỰC HÀNH:

Em vẽ 1 bức tranh cổ động về chủ đề em thích

Giấy A3

NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM NGỮ VĂN 8
NH 2021- 2022- TUẦN 7

TUẦN	TIẾT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ (Điều chỉnh theo CV 4040)
7	25 +26	Chương trình địa phương phần TV	Khuyến khích HS tự thực hiện
		Nói quá	
	27 + 28	Luyện tập: Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về nhân vật.	GV rèn kĩ năng viết đoạn văn trình bày cảm nhận về nhân vật, củng cố lại kiến thức đã dạy
		Hai cây phong	Khuyến khích HS tự học

Tiết 25+ 26

NÓI QUÁ

I- Nói quá và tác dụng của nói quá

1. Ví dụ:

- Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
  Ngày tháng mười chưa cười đã tối

=> Phóng đại mức độ (hiện tượng thiên nhiên): ngụ ý hiện tượng thời gian đêm tháng năm và ngày tháng mười rất ngắn.

- Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

=> Phóng đại tính chất (ngụ ý lao động của nhà nông hết sức vất vả)

=> Nói quá.

2. Tác dụng của nói quá

- Nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

II. Ghi nhớ : SGK

III. Luyện tập

1. Tìm biện pháp nói quá, giải thích ý nghĩa :

a. Có sức người **sỏi đá cũng thành cơm** : nhấn mạnh giá trị của sức lao động.

b. Em có thể **đi lên đến tận trời** : có thể đi tới bất kì nơi đâu, rất khỏe, rất sung sức

c. **Thét ra lửa** : rất có uy quyền, hống hách hay quát nạt mọi người

2. Điền các thành ngữ

a. Chó ăn đá, gà ăn sỏi

b. Bầm gan tím ruột

c. Ruột để ngoài da

d. Nở từng khúc ruột
đ. Vắt chân lên cổ
3. Đặt câu với các thành ngữ : Nghiêng nước nghiên thành, dời non lấp biển, lấp biển vá trời, mình đồng da sắt, nghĩ nát óc
- Cô ấy có vẻ đẹp *nghiêng nước nghiêng thành.*
- Với sự đoàn kết nhất trí, chúng ta có thể *dời non lấp biển.*
- Sức anh ấy có thể *lấp biển vá trời.*
- Con người *mình đồng da sắt* ấy sợ gì trận mạc.
(Anh ấy đúng là *mình đồng da sắt).*
- Nó *nghĩ nát óc* mà vẫn chưa giải được bài toán.

4. Tìm 5 thành ngữ so sánh dùng biện pháp nói quá
Khóc như mưa, nắng như đổ lửa, chậm như rùa, đẹp như tiên, xấu như ma, đen như cột nhà cháy, trắng như tuyết, lớn như thổi.
5. HS tự làm.
6.
- Nói quá là biện pháp tu từ, nhằm tăng giá trị biểu cảm của lời nói, người nghe vẫn hiểu được ý đó là nhấn mạnh, gây ấn tượng, mang giá trị tích cực
- Nói khoác, nói phét, nói dóc: là nói không đúng sự thật, phóng đại quá nhiều, quá lố, khoe khoang, mục đích không tốt, không mang giá trị tích cực.

Tiết 27 + 28

LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT

Đề bài: Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về nhân vật chị Dậu, Lão Hạc

I/ Lập ý cảm nhận về nhân vật Lão Hạc
1/ Giới thiệu tác phẩm,nhân vật
2/ Hoàn cảnh: Lão Hạc-một người nông dân nghèo khổ, lam lũ, bất hạnh
3/ Là người sống nhân hậu, vị tha, tình nghĩa
- Thương con trai
- Thương con vật (Cậu Vàng)
4/ Lão Hạc nghèo nhưng sống trong sạch, giàu lòng tự trọng.
- Không phiền hàng xóm khi mất.
- Quyết sống trong sạch " Con người đáng kính ấy cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư"

5/ Người có tâm hồn đẹp
- Làm bạn với ông giáo
- Khi bán chó: đau khổ.

II/ Lập ý cảm nhận về nhân vật Chị Dậu
1/ Giới thiệu tác phẩm,nhân vật
2/ Hoàn cảnh: Nghèo khổ

- Bán khoai
- Bán đàn chó
- Bán đứa con gái đầu lòng

3/ Là người thương chồng, thương con.
- Chị quạt cho cháo nhanh nguội để anh Dậu ăn
- Chị bước rón rén bưng cháo đến bên chồng
- Ngồi chờ chồng ăn cháo có ngon không.

4/ Là người nhẫn nhịn chịu đựng, van xin khi cai lệ và người nhà Lí trưởng đến đòi sưu.

5/ Vùng lên phản kháng
- Khi chị bị đánh, tát -> "Mày trói…mày xem", " Túm cổ…dúi ra cửa", " Túm tóc…nhào ra thềm"

-------ꕥ📖ꕥ-------

NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM NGỮ VĂN 8
NH 2021- 2022- TUẦN 8

TUẦN	TIẾT	NỘI DUNG THỰC HIỆN
8	29 + 30	Ôn tập truyện kí Việt Nam
	31	Thông tin về ngày trái đất năm 2000
	32	Nói giảm, nói tránh

Tiết 29 + 30

ÔN TẬP TRUYỆN KÍ VIỆT NAM

I. Giới thiệu

1. Truyện kí: các thể loại văn xuôi nghệ thuật: truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) và kí (hồi kí, phóng sự, tùy bút,…).

2. Văn học Việt Nam thời kì 1930 – 1945: đổi mới ngày càng sâu sắc, mạnh mẽ theo hướng hiện đại hóa.

II. Bảng thống kê các truyện kí Việt Nam đã học

(xem bảng bên dưới)

III. So sánh các văn bản truyện kí bài 2,3,4

1. Giống nhau:
- Đều là văn tự sự, truyện kí hiện đại (sáng tác vào thời kì 1930 – 1945).
- Đều lấy đề tài con người và cuộc sống đương thời, đi sâu miêu tả số phận cực khổ của người bị vùi dập.
- Đều chan chứa tinh thần nhân đạo.
- Đều có lối viết chân thực, gần gũi, sinh động.

=> Đặc điểm chung của dòng văn xuôi hiện thực trước Cách mạng.

2. Khác nhau:

Văn bản – Tác giả	Thể loại	Phương thức biểu đạt.	Nội dung chủ yếu	Đặc sắc nghệ thuật
- "Tôi đi học" (rút từ tập "Quê mẹ", 1941) Thanh Tịnh (1911 – 1988)	Truyện ngắn	Tự sự, miêu tả, biểu cảm	Những kỉ niệm trong sáng về ngày đầu tiên đi học.	Bố cục theo dòng hồi tưởng. Sự kết hợp hài hòa giữa kể, tả, bộc lộ cảm xúc.
- "Trong lòng mẹ" (Trích "Những ngày thơ ấu", 1940) Nguyên Hồng (1918 – 1982)	Hồi kí	Tự sự, miêu tả, biểu cảm	Nỗi đau của chú bé mồ côi và tình yêu thương mẹ của chú	Văn hồi kí chân thực, trữ tình, thiết tha.
- "Tức nước vỡ bờ" (Trích "Tắt đèn", 1939) - Ngô Tất Tố. (1893 – 1954)	Tiểu thuyết	Tự sự, miêu tả	Phê phán chế độ tàn ác, bất nhân và ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông thôn.	Khắc họa nhân vật và miêu tả hiện thực một cách sinh động, chân thực.
- "Lão Hạc" (Trích "Lão Hạc", 1943) – Nam Cao (1915-1951)	Truyện ngắn	Tự sự, miêu tả, biểu cảm	Số phận bi thảm của người nông dân cùng khổ và nhân phẩm cao đẹp của họ.	Nhân vật được đào sâu tâm lí, cách kể chuyện tự nhiên, linh hoạt vừa chân thực vừa đậm chất triết lí và trữ tình.

Tiết 31:

Văn bản

THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000

I. Đọc, tìm hiểu chú thích

- Kiểu loại: văn bản nhật dụng

II. Tìm hiểu văn bản

1. Nguyên nhân ra đời bản thông điệp

- 22/4/2000, lần đầu tiên Việt Nam tham gia ngày Trái Đất với chủ đề "Một ngày không sử dụng bao bì ni lông".

-> Bảo vệ môi trường là vấn đề nóng bỏng, đặt lên hàng đầu, thế giới rất quan tâm.

2. Tác hại và các giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông

a/ Tác hại :

*** Đối với môi trường tự nhiên:**

- Lẫn vào đất ->cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật, cản trở sự phát triển của cỏ...->xói mòn...
- vứt xuống cống -> tắc đường ống dẫn nước
-> ngập lụt, muỗi phát sinh.
- chết các loài sinh vật
- Mất mĩ quan

*** Đối với con người:**

- Gây ô nhiễm môi trường-> ruồi, muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh.
- gây tác hại cho não, là nguyên nhân gây ung thư phổi.
- Khi đốt -> thải khí độc...gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu...ung thư và dị tật bẩm sinh...

=>Tác hại ghê gớm của việc sử dụng bao bì ni lông đối với môi trường sống và đặc biệt ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người…

b/ Giải pháp

- Thay đổi thói quen dùng bao bì ni lông,…giặt phơi khô để dùng lại.
- Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết.
- Sử dụng các túi đựng không phải là bao bì ni lông.
- Nói những tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông cho gia đình, bạn bè biết.

3. Lời kêu gọi hành động

- Nhiệm vụ: hãy quan tâm, bảo vệ Trái Đất trước nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- Hành động:

"Một ngày không dùng bao bì ni lông "

=>Khyên bảo, yêu cầu, đề nghị mọi người hạn chế dùng bao bì ni lông.

III. Tổng kết

*** Ghi nhớ**: Sgk/107

Tiết 32

NÓI GIẢM, NÓI TRÁNH

I. Nói giảm nói tránh và tác dụng của nói giảm nói tránh

* Ví dụ : Sgk/107

1/ « **Đi, chẳng còn »** -> chết

-> tránh gây cảm giác đau buồn.

2/ « **bầu sữa »**

-> tránh thô tục, thiếu lịch sự.

3/ Con dạo này **không được chăm chỉ lắm.-> *Tế nhị, nhẹ nhàng***

**** Ghi nhớ:*** sgk/ 108

II. Luyện tập

Bài 1: Điền từ vào chỗ trống

a. ***đi nghỉ*** .

b. ***chia tay nhau*** .

c. ***khiếm thị*** .
d. ***có tuổi*** .
e. ***đi bước nữa*** .

Bài 2 : Câu có sử dụng nói giảm nói tránh
a2 , b2 , c1 , d1 , e2 .

Bài 3:
- Bạn làm việc này dở lắm.
-> Bạn làm việc này chưa được tốt lắm.
- Bạn hát dở lắm.
-> Bạn hát chưa được hay lắm.
- Bánh của bạn làm dở lắm..
-> Bánh của bạn làm chưa được ngon lắm.
- Bạn nói chuyện dở lắm.
-> Bạn nói chuyện chưa được hay lắm.
- Cái áo của bạn mặc xấu lắm.
-> Cái áo của bạn mặc chưa được đẹp lắm.

-------ꕥ📖ꕥ-------

NỘI DUNG TUẦN 7: MÔN SINH HỌC 8

Chủ đề: VẬN ĐỘNG

BÀI 11: TIẾN HÓA CỦA HỆ VẬN ĐỘNG.
VỆ SINH HỆ VẬN ĐỘNG
& BÀI 12: THỰC HÀNH: TẬP SƠ CỨU VÀ BĂNG BÓ CHO NGƯỜI GÃY XƯƠNG

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	Câu hỏi tìm hiểu bài
Hoạt động 1: Sự tiến hóa của bộ xương người so với bộ xương thú	+ Những đặc điểm nào của bộ xương người tiến hóa hơn so với thú? + Những đặc điểm nào của bộ xương người thích nghi với tư thế đứng thẳng và đi bằng hai chân ➔ **Sự tiến hóa của bộ xương người so với bộ xương thú**
Hoạt động 2: Vệ sinh hệ vận động	+ Để xương và cơ phát triển cân đối chúng ta cần làm gì? + để chống cong, vẹo cột sống trong lao động và học tập phải chú ý những điểm gì? ➔ Ý nghĩa của việc luyện tập để rèn luyện cơ và cách luyện tập để có hiệu quả tốt nhất
Hoạt động 3: Tìm hiểu nguyên nhân gãy xương	+ Hãy nêu những nguyên nhân dẫn tới gãy xương ? +Vì sao nói khả năng gãy xương có liên quan đến lứa tuổi? + Để bảo vệ xương khi tham gia giao thông em cần lưu ý những điểm gì? +Gặp người bị tai nạn gãy xương chúng ta có nên nắn lại chỗ xương gãy không? Vì sao?Cấu tạo của xương ➔nguyên nhân gãy xương và lưu ý khi bị gãy xương
Hoạt động 4: Học sinh tập sơ cứu và băng bó	**- Học sinh tập sơ cứu và băng bó** ➔ Biết cách sơ cứu và băng bó

2. NỘI DUNG BÀI GHI:

Chủ đề: VẬN ĐỘNG

BÀI 11: TIẾN HÓA CỦA HỆ VẬN ĐỘNG.
VỆ SINH HỆ VẬN ĐỘNG
& BÀI 12: THỰC HÀNH: TẬP SƠ CỨU VÀ BĂNG BÓ CHO NGƯỜI GÃY XƯƠNG

I. Sự tiến hóa của bộ xương người so với bộ xương thú

- Hệ cơ và bộ xương ở người có nhiều đặc điểm tiến hóa thích nghi với tư thế đứng thẳng và lao động
+ Họp sọ phát triển.
+ Lồng ngực nở rộng sang hai bên.
+ Cột sống cong bốn chỗ.
+ Xương chậu nở xương đùi lớn.
+ Bàn chân hình vòm, xương gót phát triển

II. Vệ sinh hệ vận động

- Để cơ xương phát triển phải chú ý rèn luyện thể dục, thể thao thường xuyên và lao động vừa sức.
- Khi mang vác và khi ngồi học cần lưu ý chống cong vẹo cột sống.

III. Tìm hiểu nguyên nhân gãy xương

- tai nạn giao thông, té, đùa giỡn,…

IV. Học sinh tập sơ cứu và băng bó

Xem clip hướng dẫn và tập sơ cứu.

NỘI DUNG TUẦN 8: MÔN SINH HỌC 8

Chủ đề: TUẦN HOÀN

BÀI 13: MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ
& BÀI 14: BẠCH CẦU- MIỄN DỊCH

1. **Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	Câu hỏi tìm hiểu bài
Hoạt động 1: ***Máu***	+ Kể tên thành phần cấu tạo của máu. + Khi cơ thể bị mất nước nhiều (tiêu chảy, lao động nặng ra mồ hôi nhiều,..), máu có thể lưu thông dễ dàng trong mạch nữa không? + Thành phần chất trong huyết tương có gợi ý gì về chức năng của nó? + Vì sao máu từ phổi về tim rồi tới các tế bào có màu đỏ tươi còn màu từ các tế bào về tim rồi tới phổi có màu đỏ thẫm? ➔ Các thành phần cấu tạo của máu; chức năng của huyết tương và hồng cầu.
Hoạt động 2: ***Môi trường trong của cơ thể***	+ Vai trò của máu, nước mô và bạch huyết dựa vào thông tin SGK? + các tế bào cơ, não,.. của cơ thể người có thể trực tiếp trao đổi chất với môi trường ngoài được không? + sự trao đổi chất của các tế bào trong cơ thể người với môi trường ngoài phải gián tiếp thông qua các yếu tố nào? ➔ *Cấu tạo và ý nghiaxcuar môi trường trong cơ thể*
Hoạt động 3: ***Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu***	+ Sự thực bào là gì? Những loại bạch cầu nào thường thực hiện thực bào? + Tế bào B đã chống lại các kháng nguyên bằng cách nào? + Tế bào T độc đã phá hủy các tế bào cơ thể nhiễm vi khuẩn, virus bằng cách nào? ➔ ***Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu***
Hoạt động 4: ***Sự miễn dịch***	- Miễn dịch là gì? - Nêu sự khác biệt của miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo? ➔ *Khái niệm miễn dịch và cơ chế miễn dịch*

2. **NỘI DUNG BÀI GHI:**

CHỦ ĐỀ: TUẦN HOÀN

BÀI 13: MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ
& BÀI 14: BẠCH CẦU- MIỄN DỊCH

I. *Máu:*

- Thành phần của máu gồm huyết tương, hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.
- Huyết tương duy trì máu ở trạng thái lỏng, vận chuyển các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác và các chất thải.
- Hồng cầu vận chuyển O_2 và CO_2

II. Môi trường trong của cơ thể

- Môi trường trong của cơ thể gồm máu, nước mô và bạch huyết.
- Môi trường trong giúp tế bào trao đổi chất với môi trường ngoài

III. Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu

Các bạch cầu tham gia bảo vệ cơ thể bằng các cơ chế:
+ Thực bào (bạch cầu trung tính và bạch cầu mono)
+ Tạo kháng thể để vô hiệu hóa kháng nguyên (bạch cầu Lympho B)

+ Phá hủy các tế bào đã bị nhiễm bệnh (bạch cầu Lympho T)

IV. Thường xuyên luyện tập để rèn luyện cơ

- Miễn dịch là khả năng cơ thể không bị mắc một bệnh nào đó.
- Miễn dịch có thể là miễn dịch tự nhiên hay nhân tạo.

3. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	**Nội dung học tập**	**Câu hỏi của học sinh**
Sinh 8		1. 2. 3.

HOẶC theo link sau:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScXteXWC41JzSFfzIPnWjtFl7Cs2pwhhW4mxERtHe73H3ZEUw/viewform?usp=sf_link

TUẦN 7: KIỂM TRA BÀI THỂ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG LỚP 8 – 35 NHỊP
(dành cho học sinh không có thiết bị học tập trực tuyến)

1. KIẾN THỨC:

*** Yêu cầu cần đạt:**

- **Biết:** Đặc điểm, cấu trúc, nội dung bài học, quan sát, sửa sai.
- **Hiểu:** Các giai đoạn và trình tự thực hiện kĩ thuật động tác
- **Vận dụng:** Thực hiện được ở mức độ cơ bản Bài TD phát triển chung, vận dụng trong học tập môn GDTC, đời sống.
- **Vận dụng cao:** Thực hiện hoàn chỉnh Bài TD phát triển chung, tư thế ngay ngắn, biên độ, phương hướng chính xác, tập với nhạc. Vận dụng trong đời sống, học tập môn GDTC, trình diễn.

2. NĂNG LỰC

*** Yêu cầu cần đạt**

- Thực hiện được Bài TDPT chung 35 nhịp (đúng nhịp độ, biên độ, phương hướng)
- Hô to, rõ các nhịp, biết cách điều khiển
- Có sai sót 3 – 4 nhịp

3. PHẨM CHẤT:

- Trung thực, cố gắng thể hiện hết năng lực cá nhân để hoàn thành các tiêu chí kiểm tra.

4. HÌNH THỨC KIỂM TRA TỰ LUẬN:

- Em hãy cho biết tác dụng của Bài thể dục phát triển chung lớp 8?
- Em hãy cho biết các nhịp nào thì bàn tay sấp và bàn tay ngửa?
- Em hãy phân tích nhịp 10, 14, 19, 32.

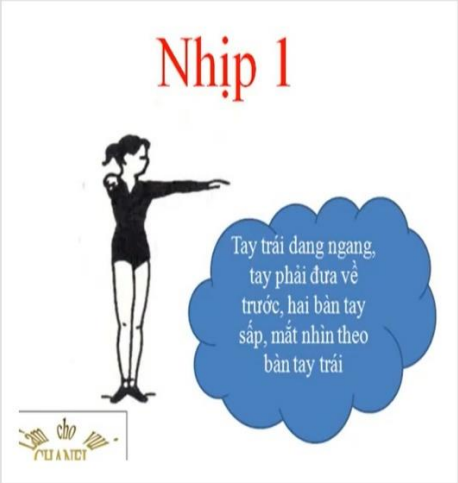

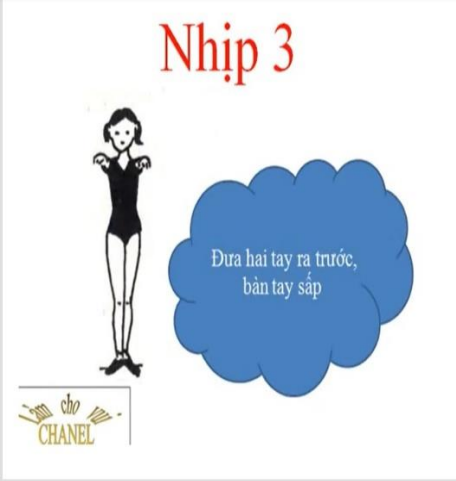

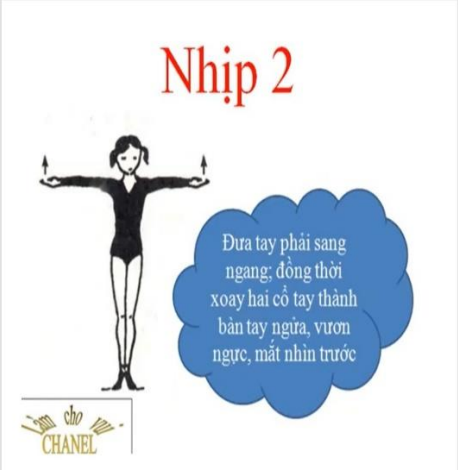

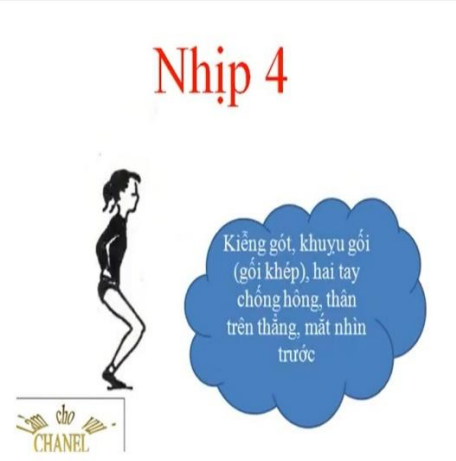

Nhịp 5

Đứng thẳng, đồng thời đưa chân trái sang trái-lên cao, chân và mũi bàn chân duỗi thẳng ngang gối; chân phải thẳng, cả bàn chân chạm đất, mắt nhìn mũi bàn chân trái

Nhịp 7

Như nhịp 5 nhưng đổi chân

Nhịp 9

Bước chân trái sang bên rộng hơn vai, hai bàn tay đưa ra trước-sang ngang, bàn tay ngửa, mắt nhìn bàn tay

Nhịp 6

Về tư thế nhịp 4

Nhịp 8

Thu chân về tư thế đứng thẳng, hai tay chống hông, mắt nhìn trước

Nhịp 10

Dồn trọng tâm về chân phải, chân trái duỗi thẳng, mũi chân chạm đất, nghiêng lườn sang trái, tay trái chống hông, tay phải duỗi thẳng hơi áp nhẹ vào tay

Nhịp 11

Về như nhịp 9, mắt nhìn trước

Nhịp 13

Về như nhịp 11, nhưng bàn tay sấp

Nhịp 15

Nâng thân lên một chút, sau đó gập thân vặn mình sang trái, tay phải chạm vào bàn chân trái, tay trái duỗi thẳng lên cao, hai chân thẳng, cúi đầu mắt nhìn theo bàn tay phải

Nhịp 12

Về như nhịp 10, nhưng đổi bên

Nhịp 14

Gập thân, hai chân thẳng, vỗ tay vào nhau sát mặt đất, cúi đầu mắt nhìn theo hai bàn tay

Nhịp 16

Nâng thân lên một chút, sau đó gập thân vặn mình sang phải, tay trái chạm vào bàn chân phải, tay phải duỗi thẳng lên cao, hai chân thẳng, cúi đầu mắt nhìn theo bàn tay trái

Nhịp 17

Về như nhịp 13

Nhịp 18

Quay 90° sang trái, dồn trọng tâm vào chân trái, chân phải phái sau mũi chân chạm đất, tay phải thẳng đưa xuống thấp-ra trước cùng tay trái giơ cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, mặt hơi ngửa, mắt nhìn theo tay

Nhịp 19

Đá chân phải lên cao chếch sang trái, mũi chân duỗi thẳng, chân trái kiễng gót, đồng thời vặn mình sang phải, hai tay giữ thẳng đánh từ trên cao-ra trước-xuống thấp-ra sau-chếch sang phải

Nhịp 20

Về như nhịp 18

Nhịp 21

Quay 90° sang phải thành đứng hai chân rộng hơn vai, hai tay dang ngang, bàn tay sấp, mắt nhìn trước

Nhịp 22

Về như nhịp 18, nhưng đổi bên

Nhịp 23

Về như nhịp 19, nhưng đổi chân

Nhịp 24

Về tư thế như nhịp 22

Nhịp 25

Quay trái về như nhịp 21

Nhịp 26

Bước chân trái sang ngang rộng hơn vai, sau đó khuỵu gối, dồn trọng tâm nhiều vào chân trái, chân phải thẳng, mũi chân chạm đất, thân thẳng, hai tay đưa ra trước song song cao ngang vai, bàn tay sấp, mắt nhìn theo tay

Nhịp 27

Thu chân trái về với chân phải thành đứng thẳng, hai tay dang ngang, bàn tay sấp, mắt nhìn trước

Nhịp 28

Bước chân phải sang ngang rộng hơn vai, sau đó khuỵu gối, dồn trọng tâm nhiều vào chân phải, chân trái thẳng, mũi chân chạm đất, thân thẳng, hai tay đưa ra trước song song cao ngang vai, bàn tay sấp, mắt nhìn theo tay

Nhịp 29

Như nhịp 27 nhưng thu chân phải về

Nhịp 31

Hai tay bắt chéo trước mặt đưa xuống thấp thành chếch sau, khuỷu gối, thân hơi gập, mắt nhìn trước

Nhịp 33

Tiếp đất khuỷu gối trên hai nữa trước bàn chân để giảm chấn động, hai tay đưa ra trước song song, bàn tay sấp, mắt nhìn theo tay

Nhịp 30

Hai tay đưa xuống dưới sát thân-ra trước-lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, hai chân kiễng gót, mặt ngửa, mắt nhìn theo tay

Nhịp 32

Bật người lên cao, thân căng, hai tay từ sau đưa xuống dưới ra trước lên chếch cao lòng bàn tay hướng vào nhau, mũi chân thẳng, mặt hơi ngửa

Nhịp 34

Đứng thẳng, hai tay dạng ngang, bàn tay sấp, mắt nhìn trước

Nhịp 35

Về tư thế chuẩn bị

CHẠY NGẮN: 60M

1. KIẾN THỨC: Thực hiện các bài tập bổ trợ chạy ngắn: Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau, tại chỗ đánh tay.

2. NĂNG LỰC:

+ Năng lực chung:

- Tự chủ, tự học: Tìm hiểu nội dung bài học thông qua hình ảnh, tư liệu, video các bài tập bổ trợ. Tự giác tập luyện thường xuyên.

- Giao tiếp, hợp tác: Thông qua hoạt động nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Giải quyết vấn đề, sáng tạo: Khuyến khích sự sáng tạo thông qua kiến thức của phần vận dụng được đặt ra từ bài học.

+ Năng lực đặc thù:

- Chăm sóc sức khỏe: Vận dụng kiến thức vào các Trò chơi vận động, kiến thức học tập các bộ môn khác.

- Vận động cơ bản: Thực hiện các bài tập bổ trợ, biết chỉnh sửa động tác thông qua tập luyện, nghe, quan sát, cùng thực hiện. Vận dụng kiến thức vào sinh hoạt, tập luyện TDTT.

3. PHẨM CHẤT: Tự giác, tích cực trong học tập, giúp đỡ bạn cùng Tổ, Nhóm; tập luyện hàng ngày để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất.

4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

- Học sinh khởi động làm nóng cơ thể.
- Kiến thức mới: Các bài tập bổ trợ: Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau, tại chỗ đánh tay.
- Thả lỏng: Đưa cơ thể về trạng thái bình thường: Rung tay, rung chân, hít thở sâu…
- Vận dụng: Vào việc tập luyện thường xuyên, rèn luyện sức khỏe, tăng cường thể chất…

2. Động tác bước nhỏ

Hai chân luân phiên thực hiện tiếp đất bằng nửa trước bàn chân, miết nhẹ. Sau khi kết thúc miết bàn chân, cẳng chân thẳng, động tác gần như động tác bước đi. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay hơi co, đánh phối hợp tự nhiên.

Hình 12. Động tác bước nhỏ

3. Động tác nâng cao đùi

Hình 13. Động tác nâng cao đùi

Hai chân luân phiên thực hiện nâng sao cho đầu gối cao ngang thắt lưng. Đùi vuông góc với cẳng chân và song song với mặt đất. Chân trụ thẳng, tiếp đất bằng nửa trước bàn chân. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay hơi co, đánh phối hợp tự nhiên.

4. Động tác đạp sau

Chân trước co, nâng gối cao ngang thắt lưng. Chân sau đạp duỗi thẳng. Hai chân luân phiên thực hiện. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay co, đánh phối hợp tự nhiên.

Hình 14. Động tác đạp sau

5. Động tác đánh tay

Hai chân đứng trước sau, gối hơi khuỵu. Thân trên thẳng. Hai tay hơi co, bàn tay nắm hờ, luân phiên đánh trước sau. Tay đánh ra trước cao ngang ngực, cách cằm một gang tay. Tay còn lại đánh rộng ra sau sao cho khuỷu tay nâng cao gần ngang vai.

Hình 15. Động tác đánh tay

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẬN3
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH HỌC ONLINE LỚP 8

NĂM HỌC: 2021-2022

GIÁO VIÊN: NGUYỄN DUY LINH

TUẦN 7:

BÀI DẠY: BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN – CHẠY NGẮN

1. KIẾN THỨC:

- BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN: Ôn hoàn thiện bài thể dục.

- CHẠY NGẮN: 1 số động tác bổ trợ. Xuất phát thấp – Chạy lao – Chạy giữa quãng – Chạy về đích.

2. NĂNG LỰC.

+ Năng lực chung: Tự chủ luyện tập, tìm hiểu nội dung thông qua tài liệu, sách, video.

- Giao tiếp – hợp tác: Thông qua hoạt động nhóm để thực hiện các hoạt động học tập.

- Giải quyết vấn đề, sáng tạo: khuyến khích HS tự sáng tạo, thông qua kiến thức của phần vận động được đặt ra từ bài học.

+ Nâng cao đặc thù:

- Chăm sóc sức khỏe: Vận dụng vào trò chơi, cuộc sống hằng ngày, bổ sung, vận dụng kiến thức để học tập các môn khác.

- Vận động cơ bản: Thực hiện được một số bài tập phát triển sức nhanh, hiểu và thực hiện động các giai đoạn trong chạy ngắn, thực hiện bài thể dục nhanh nhẹn, nhịp nhàng.

3. PHẨM CHẤT: Tích cực tập luyện, giúp đỡ bạn cùng luyện tập, thường xuyên tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất.

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

+ **Học sinh thực hiện xoay các khớp:** Cổ, cổ tay, cổ chân, khuỷu tay, hông, gối .

+ **Căng cơ**: Ep dọc, ép ngang.

+ **Chạy Tại Chỗ**: Bước nhỏ - Nâng cao đùi - Gót chạm mông.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

A. BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN: ÔN BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN.

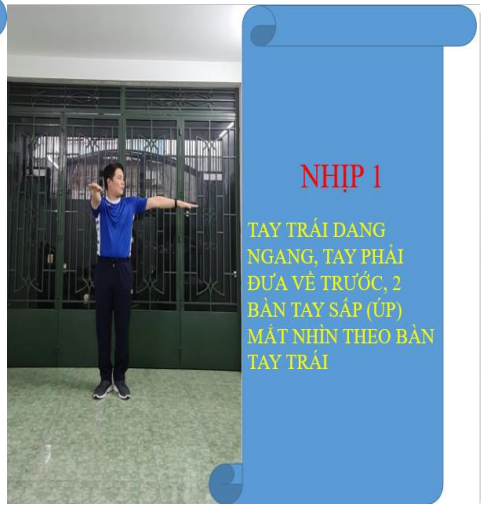

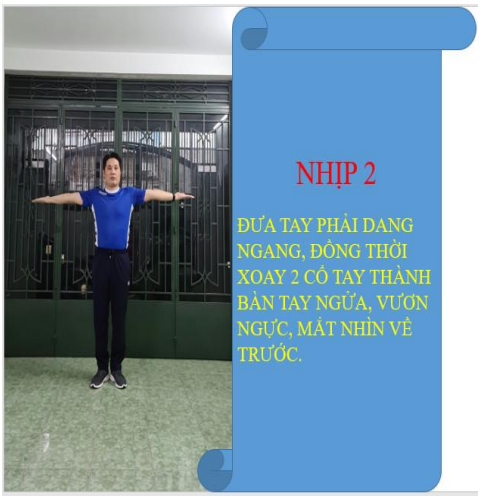

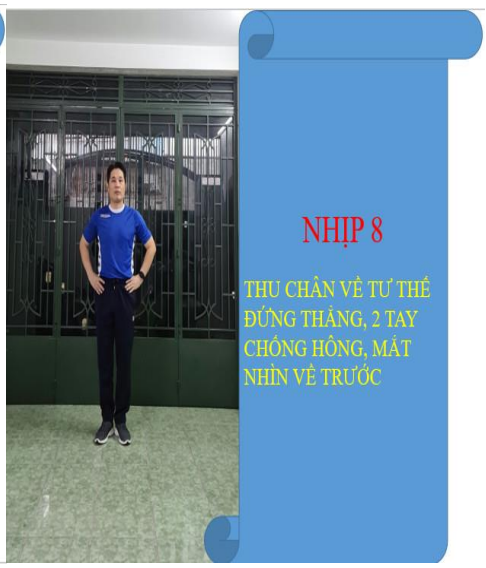

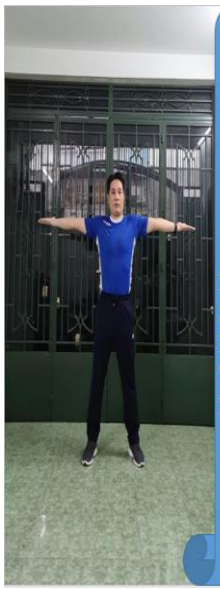

NHỊP 9

BƯỚC CHÂN TRÁI SANG NGANG RỘNG HƠN VAI, 2 TAY ĐƯA RA TRƯỚC - SANG NGANG, BÀN TAY NGỬA.

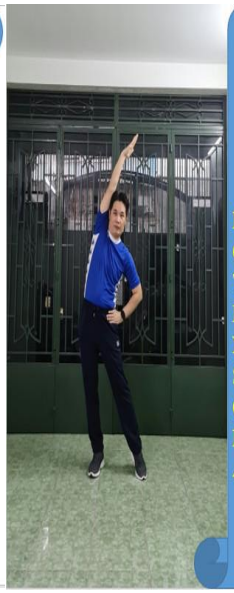

NHỊP 10

DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN PHẢI, CHÂN TRÁI DUỖI THẲNG, MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, NGHIÊNG NGƯỜI SANG TRÁI, TAY TRÁI CHỐNG HÔNG, TAY PHẢI DUỖI THẲNG HƠI ÁP NHẸ VÀO TAI.

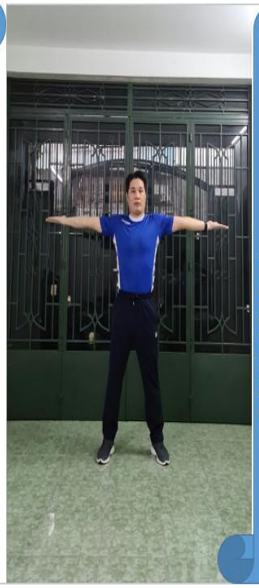

NHỊP 11

VỀ NHƯ NHỊP 9 (2 TAY SANG NGANG, LÒNG BÀN TAY NGỬA, CHÂN RỘNG HƠN VAI, MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC).

NHỊP 12

DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN TRÁI, CHÂN PHẢI DUỖI THẲNG, MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, NGHIÊNG LƯỜN SANG PHẢI, TAY PHẢI CHỐNG HÔNG, TAY TRÁI DUỖI THẲNG HƠI ÁP NHẸ VÀO TAI.

NHỊP 13

2 CHÂN DANG NGANG RỘNG HƠN VAI, 2 TAY DANG NGANG, LÒNG BÀN TAY SẤP (ÚP), THÂN NGƯỜI THẲNG MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC

NHIP 14

GẬP THÂN 2 CHÂN THẲNG, VỖ 2 TAY VÀO NHAU SÁT MẶT ĐẤT, CÚI ĐẦU, MẮT NHÌN THEO 2 BÀN TAY

NHỊP 15

NÂNG THÂN LÊN MỘT CHÚT, SAU ĐÓ GẬP THÂN VẶN MÌNH SANG TRÁI, TAY PHẢI CHẠM VÀO BÀN CHÂN TRÁI, TAY TRÁI DUỖI THẲNG LÊN CAO, 2 CHÂN THẲNG, CÚI ĐẦU, MẮT NHÌN THEO BÀN TAY PHẢI

NHỊP 16

NÂNG THÂN, SAU ĐÓ GẬP THÂN, VẶN MÌNH SANG PHẢI, TAY TRÁI CHẠM VÀO BÀN CHÂN PHẢI, TAY PHẢI DUỖI THẲNG LÊN CAO, 2 CHÂN THẲNG, CÚI ĐẦU MẮT NHÌN THEO BÀN TAY TRÁI

NHỊP 17

2 CHÂN DANG NGANG RỘNG HƠN VAI, 2 TAY DANG NGANG, LÒNG BÀN TAY SẤP (ÚP), THÂN NGƯỜI THẲNG MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC

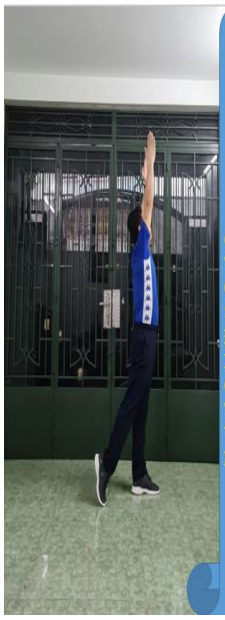

NHỊP 18

QUAY NGƯỜI 90 ĐỘ SANG TRÁI, DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN TRÁI, CHÂN PHẢI PHÍA SAU MŨI BÀN CHÂN CHẠM ĐẤT, TAY PHẢI THẲNG ĐƯA XUỐNG THẤP – RA TRƯỚC LÊN CAO SONG SONG VỚI TAY TRÁI, LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU, MẶT HƠI NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 19

ĐÁ CHÂN PHẢI LÊN CAO CHÉCH SANG TRÁI, MŨI CHÂN DUỖI THẲNG, ĐỒNG THỜI VẶN MÌNH SANG PHẢI, 2 TAY GIỮ THẲNG ĐÁNH TỪ TRÊN CAO – XUỐNG THẤP – RA SAU – CHÉCH SANG PHẢI.

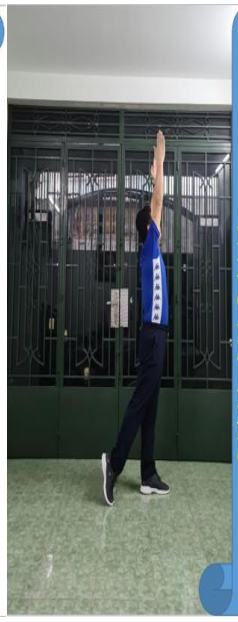

NHỊP 20

HẠ CHÂN PHẢI XUỐNG MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, 2 TAY ĐƯA LÊN CAO LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU MẶT HƠI NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 21

2 CHÂN DANG NGANG RỘNG HƠN VAI, 2 TAY DANG NGANG, LÒNG BÀN TAY SẤP (ÚP), THÂN NGƯỜI THẲNG MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC

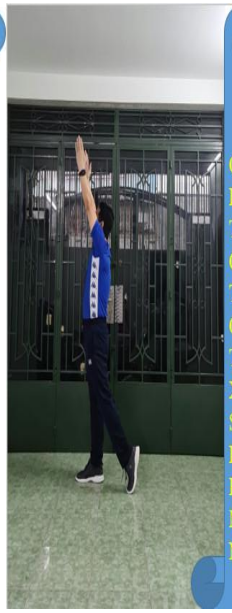

NHỊP 22

QUAY NGƯỜI SANG PHẢI 90 ĐỘ, DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN PHẢI, CHÂN TRÁI PHÍA SAU MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, TAY TRÁI THẲNG ĐƯA - XUỐNG THẤP LÊN CAO SONG SONG VỚI TAY PHẢI LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU, MẶT HƠI NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

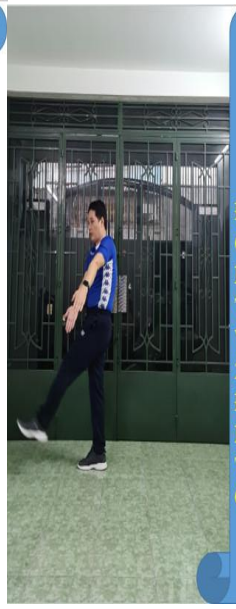

NHỊP 23

ĐÁ CHÂN TRÁI LÊN CAO CHÉCH SANG PHẢI MŨI CHÂN DUỖI THẲNG, ĐỒNG THỜI VẶN MÌNH QUA TRÁI, 2 TAY GIỮ THẲNG ĐÁNH TỪ TRÊN CAO – RA TRƯỚC – XUỐNG THẤP – RA SAU – CHÉCH SANG TRÁI.

NHỊP 24

QUAY NGƯỜI SANG PHẢI 90 ĐỘ, DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN PHẢI, CHÂN TRÁI PHÍA SAU MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, TAY TRÁI THẲNG ĐƯA - XUỐNG THẤP LÊN CAO SONG SONG VỚI TAY PHẢI LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU, MẶT HƠI NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 25

QUAY NGƯỜI SANG TRÁI 90 ĐỘ THÀNH TƯ THẾ ĐỨNG CHÂN RỘNG HƠN VAI, 2 TAY DANG NGANG BÀN TAY SẤP (ÚP), MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC.

NHỊP 26

BƯỚC CHÂN TRÁI SANG NGANG RỘNG HƠN VAI, SAU ĐÓ KHUỶU GỐI, DỒN TRỌNG TÂM NHIỀU VÀO CHÂN TRÁI, CHÂN PHẢI THẲNG, THÂN NGƯỜI THẲNG, 2 TAY ĐƯA RA TRƯỚC SONG SONG CAO NGANG VAI, BÀN TAY SẤP (ÚP), MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 28

BƯỚC CHÂN PHẢI SANG NGANG RỘNG HƠN VAI, SAU ĐÓ KHUỶU GỐI, DỒN TRỌNG TÂM NHIỀU VÀO CHÂN PHẢI, CHÂN TRÁI THẲNG MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, THÂN NGƯỜI THẲNG, 2 TAY ĐƯA RA TRƯỚC SONG SONG CAO NGANG VAI, BÀN TAY SẤP (ÚP) MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 29

THU CHÂN PHẢI VỀ VỚI CHÂN TRÁI THÀNH TƯ THẾ ĐỨNG THẲNG 2 TAY DANG NGANG, BÀN TAY SẤP (ÚP) MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC.

NHIP 30

2 TAY ĐƯA XUỐNG DƯỚI SÁT THÂN – RA TRƯỚC – LÊN CAO SONG SONG, LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU, MẶT NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 31

2 TAY HẠ XUỐNG THẤP CHÉCH RA SAU, KHUỶU GỐI, THÂN HƠI GẬP VỀ TRƯỚC, MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC.

NHỊP 32

BẬT NGƯỜI LÊN CAO, THÂN ƯỠN CĂNG TAY CHÉCH CHỮ V LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU, MŨI CHÂN THẲNG, MẶT HƠI NGỬA.

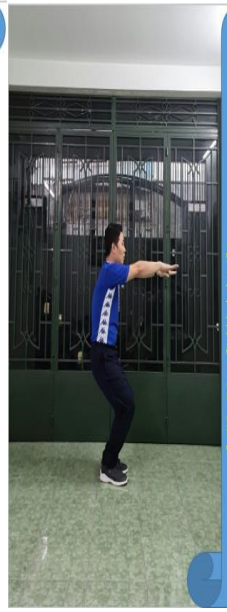

NHỊP 33

TIẾP ĐẤT BẰNG 2 NỬA BÀN CHÂN, KHUỶU GỐI ĐỂ GIẢM CHẤN ĐỘNG, 2 TAY ĐƯA RA TRƯỚC SONG SONG, BÀN TAY SẤP (ÚP), MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 34

ĐỨNG THẲNG NGƯỜI 2 TAY DANG NGANG, BÀN TAY SẤP (ÚP), MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC.

NHỊP 35

VỀ TƯ THẾ CHUẨN BỊ

B. CHẠY NGẮN

ÔN: MỐT SỐ ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ

- Chạy bước nhỏ - Nâng cao đùi – Gót chạm mông, Chạy đạp sau.

- Tư thế sẵn sàng – xuất phát.

HỌC: Xuất phát thấp – Chạy lao – Chạy giữa Quãng – Về đích.

*** Xuất phát thấp: (Giai đoạn xuất phát)**

Để xuất phát được nhanh và không phạm luật, trước khi thực hiện kĩ thuật xuất phát, người ta sử dụng bàn đạp để làm chỗ tựa đạp chân.

a) Giai đoạn xuất phát

Để xuất phát được nhanh mà không phạm luật, trước khi thực hiện kĩ thuật xuất phát, người ta sử dụng bàn đạp để làm chỗ tựa đạp chân.

– *Cách đóng bàn đạp :* Vị trí đóng bàn đạp thường được tính bằng độ dài của bàn chân đo nối tiếp nhau từ mép vạch xuất phát ra phía sau. Tuỳ theo khổ người (gầy, béo, chân dài hay ngắn) và trình độ luyện tập của mỗi người mà có nhiều cách đóng bàn đạp khác nhau. Với HS THCS thường học cách đóng bàn đạp trước cách vạch xuất phát 1,5 bàn chân, bàn đạp sau cách vạch xuất phát chiều dài 3 bàn chân, hai bàn đạp cách nhau theo chiều ngang 10 - 20cm, bàn đạp bên chân khoẻ đặt phía trước, góc độ ngả ra sau khoảng 45 - 50°, bàn đạp sau khoảng 75 - 80° (xem h. 4).

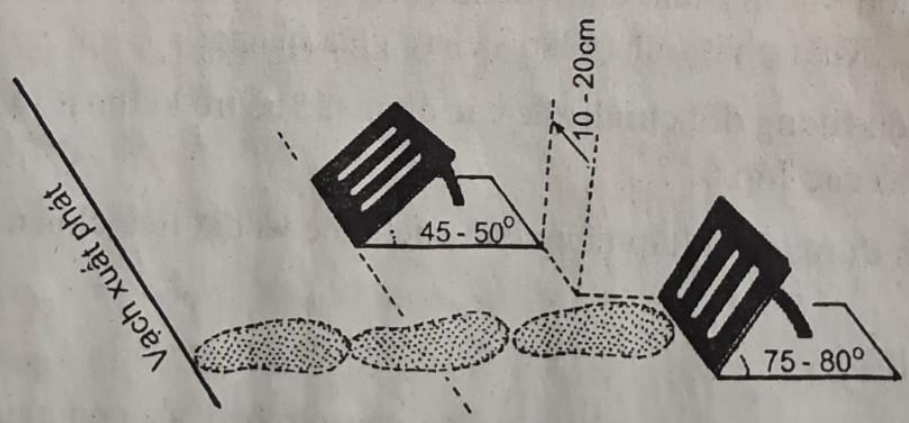

– *Kĩ thuật xuất phát thấp :* Các động tác kĩ thuật xuất phát thực hiện theo ba hiệu lệnh "Vào chỗ", "Sẵn sàng..." và "Chạy !". Trong thi đấu, trọng tài bắn súng phát lệnh thay cho hiệu lệnh "Chạy !".

"Vào chỗ" : Khi nghe hiệu lệnh "Vào chỗ", VĐV thực hiện lần lượt các động tác :

+ Đi từ vị trí chuẩn bị vào đứng trước hai bàn đạp (nếu thuận chân trái thì đứng bên phải và ngược lại).

+ Chống hai tay lên đường chạy (không chạm vào vạch xuất phát), đặt một chân thuận vào bàn đạp trước, chân còn lại vào bàn đạp sau.

+ Quỳ gối chân sau lên mặt đường, thu hai tay về, chỉnh lại hướng hai bàn chân và thân cho thẳng với hướng chạy.

+ Chống hai tay vào sát mép sau vạch xuất phát : Hai ngón tay cái hướng vào nhau, khoảng cách giữa hai đầu ngón tay cái bằng vai, các ngón tay còn lại khép lại. Vai hơi nhô về trước, hai mũi chân tiếp đất, trọng tâm cơ thể rơi vào khoảng giữa hai tay và đầu gối, mặt hơi cúi, mắt nhìn vào đường chạy cách vạch xuất phát khoảng 2 - 3m (xem h. 5a).

Thực hiện các động tác trên không vội vàng, căng thẳng, mà cần bình tĩnh, tự tin.

"Sẵn sàng..." : Từ từ nâng mông lên cao bằng hoặc hơn vai một chút đồng thời hơi đẩy trọng tâm ra trước dồn nhiều lên hai tay, hai bàn chân áp vào bàn đạp và tập trung chú ý nghe hiệu lệnh tiếp theo. Các động tác trên cần thực hiện nhịp nhàng, không giật cục, căng thẳng (xem h. 5b).

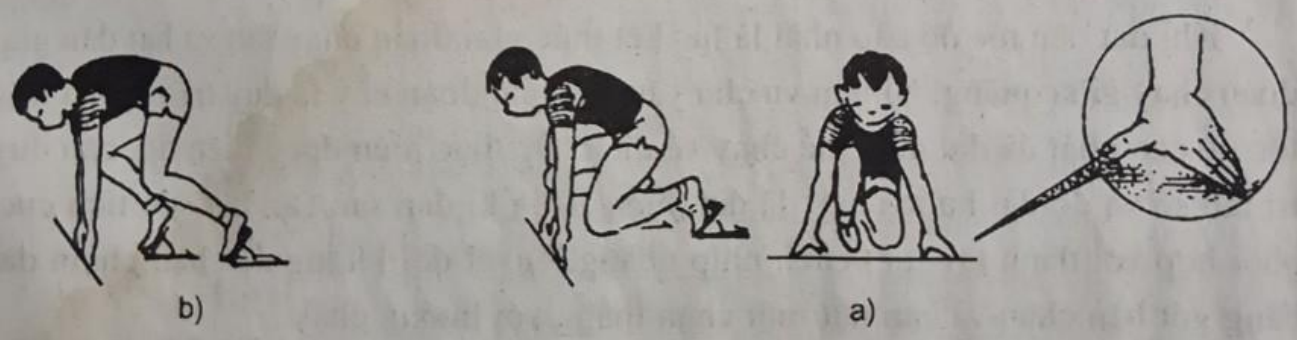

Hình 5

"Chạy !" : Đạp chân sau vào bàn đạp rồi bước về trước một bước hợp lí, đồng thời hai tay rời khỏi mặt đường chạy sau đó tay cùng bên với chân sau đánh mạnh ra sau, tay kia đánh mạnh ra trước. Tiếp theo, đạp chân trước vào bàn đạp rồi bước

về trước, tay cùng bên đánh ra sau, tay khác bên đánh ra trước. Động tác của hai tay ở bước đầu tiên rất quan trọng, giúp cho VĐV giữ được thăng bằng (xem h. 6).

Hình 6

b) Giai đoạn chạy lao

Giai đoạn chạy lao bắt đầu khi VĐV bước những bước chạy đầu tiên, có nghĩa là ngay sau khi hai chân lần lượt rời khỏi bàn đạp. Kĩ thuật chạy lao có những đặc điểm chính sau :

– Độ dài và tần số bước chạy tăng dần. Thời kì đạp sau của bước chạy phải hết sức tích cực.

– Hai tay đánh ăn nhịp với bước chạy, góc độ giữa cẳng tay và cánh tay lúc đầu hơi rộng sau đó nhỏ dần lại và chủ yếu đánh khuỷu tay ra phía sau để giúp cho bước chạy về trước được dễ dàng.

– Nâng dần thân người, đến cuối giai đoạn chạy lao, thân ngả ra trước khoảng 80°.

c) Giai đoạn chạy giữa quãng

Khi đạt đến tốc độ cao nhất là lúc kết thúc giai đoạn chạy lao và bắt đầu giai đoạn chạy giữa quãng. Nhiệm vụ chủ yếu của giai đoạn này là duy trì và phát huy tốc độ cao nhất đã đạt được để chạy về đích. Để thực hiện được điều đó, cần duy trì tần số và độ dài bước chạy đã đạt được. Thời kì đạp sau cần hết sức tích cực, phối hợp với đánh tay một cách nhịp nhàng. Tuyệt đối không để chân chạm đất bằng gót bàn chân và cần đặt mũi chân thẳng với hướng chạy.

d) Giai đoạn về đích

Bắt đầu giai đoạn về đích khi còn cách đích khoảng 5 - 10m. Nhiệm vụ của giai đoạn này là gắng hết sức để chạy với tốc độ cao nhất về đích, nhanh chóng dùng ngực hoặc vai đánh đích, không nhảy chạm đích. Qua đích xong không dừng lại đột ngột, mà chạy giảm dần tốc độ trong 10 - 15m rồi mới dừng lại.

HOẠT ĐỘNG 3: TẬP LUYỆN

1. Luyện tập bài thể dục liên hoàn.

2. Tập luyện Tư thế sẵn sàng – xuất phát - Chạy lao – Chạy giữa quãng – Về đích.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Trò chơi chạy tiếp sức.

2. Vận dụng vào cuộc sống hằng ngày.

HOẠT ĐỘNG 5 KẾT THÚC.

- Thả lỏng sau khi tập luyện. Thực hiện 1 số động tác thả lỏng: rung lắc tay, chân, động tác điều hòa…

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẬN3
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH HỌC ONLINE LỚP 8

NĂM HỌC: 2021-2022

GIÁO VIÊN: NGUYỄN DUY LINH

TUẦN 8:

BÀI DẠY: KIỂM TRA BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN – CHẠY NGẮN

2. NĂNG LỰC.

- BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN: Kiểm tra bài thể dục liên hoàn.

- CHẠY NGẮN: Lý thuyết: Một số phương phát tập luyện sức nhanh.

+ Năng lực chung: Tự chủ luyện tập, tìm hiểu nội dung thông qua tài liệu, sách, video.

- Giao tiếp – hợp tác: Thông qua hoạt động nhóm để thực hiện các hoạt động học tập.

- Giải quyết vấn đề, sáng tạo: khuyến khích HS tự sáng tạo, thông qua kiến thức của phần vận động được đặt ra từ bài học.

+ Nâng cao đặc thù:

- Chăm sóc sức khỏe: Vận dụng vào trò chơi, cuộc sống hằng ngày, bổ sung, vận dụng kiến thức để học tập các môn khác.

- Vận động cơ bản: Thực hiện được một số bài tập phát triển sức nhanh, hiểu và thực hiện động các giai đoạn trong chạy ngắn, thực hiện bài thể dục nhanh nhẹn, nhịp nhàng.

3. PHẨM CHẤT: Tích cực tập luyện, giúp đỡ bạn cùng luyện tập, thường xuyên tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất.

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

+ **Học sinh thực hiện xoay các khớp:** Cổ, cổ tay, cổ chân, khuỷu tay, hông, gối .

+ **Căng cơ**: ép dọc, ép ngang.

+ **Chạy Tại** Chỗ: bước nhỏ, nâng cao đùi, gót chạm mông.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

A. BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN: KIỂM TRA BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN

- **Nội dung:** Kiểm tra bài thể dục phát triển chung liên hoàn**.**
- **Tổ chức và phương pháp kiểm tra.**
  - **Kiểm tra online** (hình thức HS quay lại video thực hiện bài thể dục phát triển chung liên hoàn và nộp bài theo đường link của giáo viên bộ môn)
  - Mỗi học sinh thực hiện quay và gửi 1 video
  - Cách cho điểm: Điểm kiểm tra cho theo mức độ thực hiện động tác của từng học sinh.

- **ĐIỂM 9 – 10: (ĐẠT)** Thuộc toàn bài, thực hiện động tác đúng, đẹp.
- **ĐIỂN 7 – 8: (ĐẠT)** Thuộc toàn bài nhưng còn 2 – 3 nhịp bị sai xót nhỏ.
- **ĐIỂM 5 – 6: (ĐẠT)** Có 2- 3 nhịp thực hiện sai.
- **ĐIỂM 3 – 4: (CHƯA ĐẠT)** Có 4 – 6 nhịp thực hiện sai.
- **ĐIỂM 1 – 2: (CHƯA ĐẠT)** Có 7 nhịp trở lên thực hiện sai**.**

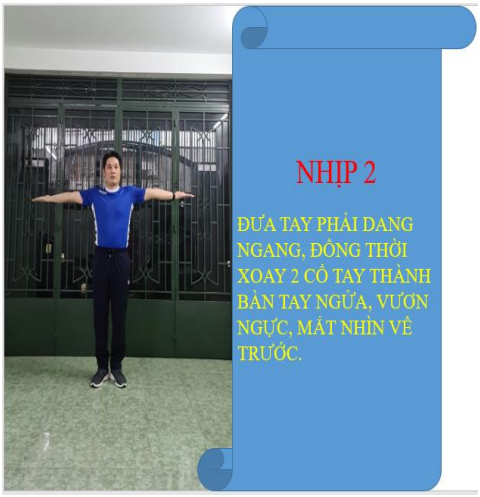

NHỊP 3

ĐƯA 2 TAY RA TRƯỚC, BÀN TAY SẤP (ỨP), MẮT NHÌN THẲNG VỀ TRƯỚC.

NHỊP 4

KIỄNG GÓT KHUỶU GỐI, 2 TAY CHỐNG HÔNG, THÂN TRÊN THẲNG, MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC.

NHỊP 5

ĐỨNG THẲNG, ĐỒNG THỜI ĐƯA CHÂN TRÁI SANG NGANG (BÊN TRÁI – LÊN CAO), CHÂN VÀ MŨI BÀN CHÂN DUỖI THẲNG NGANG GỐI, CHÂN PHẢI THẲNG, CẢ BÀN CHÂN CHẠM ĐẤT, MẮT NHÌN MŨI CHÂN TRÁI.

NHỊP 6

VỀ TƯ THẾ NHỊP 4.(KIỄNG GÓT, KHUỶU GỐI, 2 TAY CHỐNG HÔNG, THÂN TRÊN THẲNG, MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC).

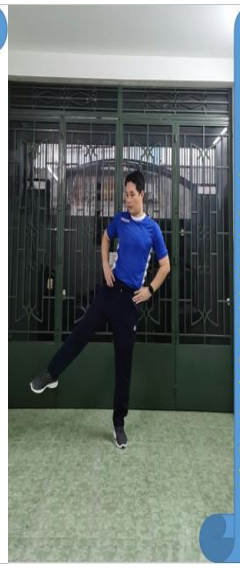

NHỊP 7

VỀ TƯ THẾ NHỊP 5. (ĐỨNG THẲNG, ĐỒNG THỜI ĐƯA CHÂN PHẢI SANG NGANG (BÊN PHẢI – LÊN CAO), CHÂN VÀ MŨI BÀN CHÂN DUỖI THẲNG NGANG GỐI, CHÂN TRÁI THẲNG, CẢ BÀN CHÂN CHẠM ĐẤT, MẮT NHÌN MŨI CHÂN TRÁI.)

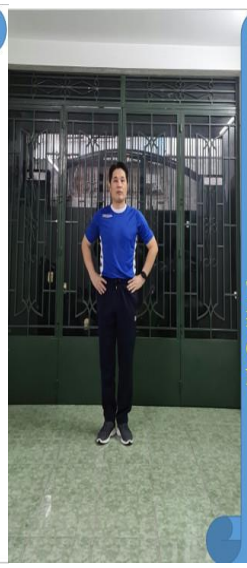

NHỊP 8

THU CHÂN VỀ TƯ THẾ ĐỨNG THẲNG, 2 TAY CHỐNG HÔNG, MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC

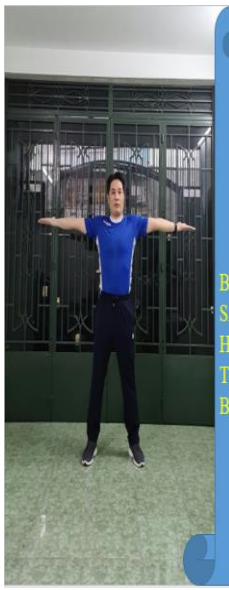

NHỊP 9

BƯỚC CHÂN TRÁI SANG NGANG RỘNG HƠN VAI, 2 TAY ĐƯA RA TRƯỚC - SANG NGANG, BÀN TAY NGỬA.

NHỊP 10

DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN PHẢI, CHÂN TRÁI DUỖI THẲNG, MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, NGHIÊNG NGƯỜI SANG TRÁI, TAY TRÁI CHỐNG HÔNG, TAY PHẢI DUỖI THẲNG HƠI ÁP NHẸ VÀO TAI.

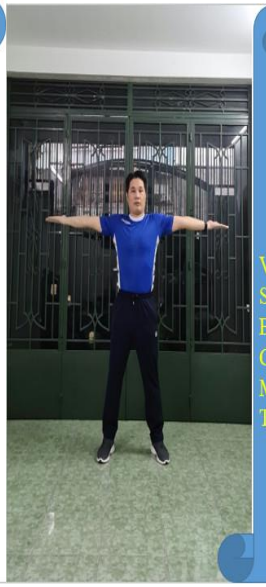

NHỊP 11

VỀ NHƯ NHỊP 9 (2 TAY SANG NGANG, LÒNG BÀN TAY NGỬA, CHÂN RỘNG HƠN VAI, MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC).

NHỊP 12

DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN TRÁI, CHÂN PHẢI DUỖI THẲNG, MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, NGHIÊNG LƯỜN SANG PHẢI, TAY PHẢI CHỐNG HÔNG, TAY TRÁI DUỖI THẲNG HƠI ÁP NHẸ VÀO TAI.

NHỊP 13

2 CHÂN DANG NGANG RỘNG HƠN VAI, 2 TAY DANG NGANG, LÒNG BÀN TAY SẤP (ÚP), THÂN NGƯỜI THẲNG MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC

NHIP 14

GẬP THÂN 2 CHÂN THẲNG, VỖ 2 TAY VÀO NHAU SÁT MẶT ĐẤT, CÚI ĐẦU, MẮT NHÌN THEO 2 BÀN TAY

NHỊP 15

NÂNG THÂN LÊN MỘT CHÚT, SAU ĐÓ GẬP THÂN VẶN MÌNH SANG TRÁI, TAY PHẢI CHẠM VÀO BÀN CHÂN TRÁI, TAY TRÁI DUỖI THẲNG LÊN CAO, 2 CHÂN THẲNG, CÚI ĐẦU, MẮT NHÌN THEO BÀN TAY PHẢI

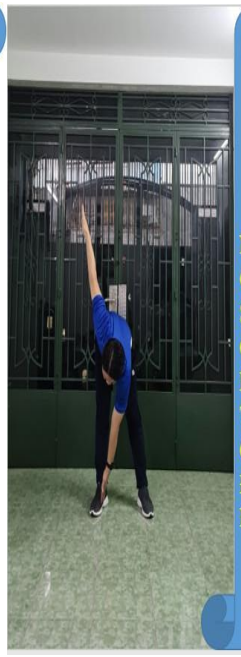

NHỊP 16

NÂNG THÂN, SAU ĐÓ GẬP THÂN, VẶN MÌNH SANG PHẢI, TAY TRÁI CHẠM VÀO BÀN CHÂN PHẢI, TAY PHẢI DUỖI THẲNG LÊN CAO, 2 CHÂN THẲNG, CÚI ĐẦU MẮT NHÌN THEO BÀN TAY TRÁI

NHỊP 17

2 CHÂN DANG NGANG RỘNG HƠN VAI, 2 TAY DANG NGANG, LÒNG BÀN TAY SẤP (ÚP), THÂN NGƯỜI THẲNG MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC

NHỊP 18

QUAY NGƯỜI 90 ĐỘ SANG TRÁI. DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN TRÁI, CHÂN PHẢI PHÍA SAU MŨI BÀN CHÂN CHẠM ĐẤT, TAY PHẢI THẲNG ĐƯA XUỐNG THẤP – RA TRƯỚC LÊN CAO SONG SONG VỚI TAY TRÁI. LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU, MẶT HƠI NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 19

ĐÁ CHÂN PHẢI LÊN CAO CHÉCH SANG TRÁI, MŨI CHÂN DUỖI THẲNG, ĐỒNG THỜI VẶN MÌNH SANG PHẢI, 2 TAY GIỮ THẲNG ĐÁNH TỪ TRÊN CAO – XUỐNG THẤP – RA SAU – CHÉCH SANG PHẢI.

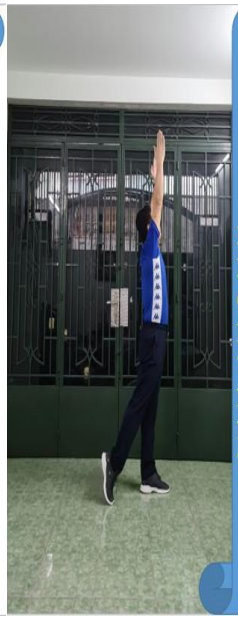

NHỊP 20

HẠ CHÂN PHẢI XUỐNG MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, 2 TAY ĐƯA LÊN CAO LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU MẶT HƠI NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 21

2 CHÂN DANG NGANG RỘNG HƠN VAI, 2 TAY DANG NGANG, LÒNG BÀN TAY SẤP (ÚP), THÂN NGƯỜI THẲNG MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC

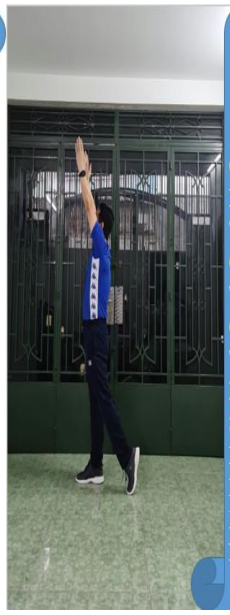

NHỊP 22

QUAY NGƯỜI SANG PHẢI 90 ĐỘ, DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN PHẢI, CHÂN TRÁI PHÍA SAU MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, TAY TRÁI THẲNG ĐƯA - XUỐNG THẤP LÊN CAO SONG SONG VỚI TAY PHẢI LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU, MẶT HƠI NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

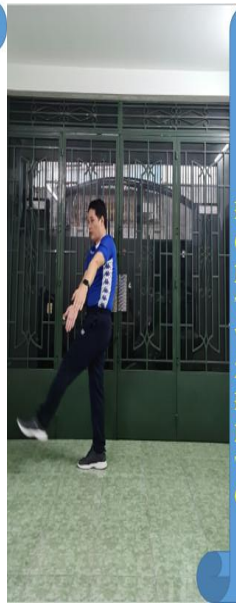

NHỊP 23

ĐÁ CHÂN TRÁI LÊN CAO CHÉCH SANG PHẢI MŨI CHÂN DUỖI THẲNG, ĐỒNG THỜI VẶN MÌNH QUA TRÁI, 2 TAY GIỮ THẲNG ĐÁNH TỪ TRÊN CAO – RA TRƯỚC – XUỐNG THẤP – RA SAU – CHÉCH SANG TRÁI.

NHỊP 24

QUAY NGƯỜI SANG PHẢI 90 ĐỘ, DỒN TRỌNG TÂM VÀO CHÂN PHẢI, CHÂN TRÁI PHÍA SAU MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, TAY TRÁI THẲNG ĐƯA - XUỐNG THẤP LÊN CAO SONG SONG VỚI TAY PHẢI LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU, MẶT HƠI NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 25

QUAY NGƯỜI SANG TRÁI 90 ĐỘ THÀNH TƯ THẾ ĐỨNG CHÂN RỘNG HƠN VAI, 2 TAY DANG NGANG BÀN TAY SẤP (ÚP), MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC.

NHỊP 26

BƯỚC CHÂN TRÁI SANG NGANG RỘNG HƠN VAI, SAU ĐÓ KHUỶU GỐI, DỒN TRỌNG TÂM NHIỀU VÀO CHÂN TRÁI, CHÂN PHẢI THẲNG, THÂN NGƯỜI THẲNG, 2 TAY ĐƯA RA TRƯỚC SONG SONG CAO NGANG VAI, BÀN TAY SẤP (ÚP), MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 28

BƯỚC CHÂN PHẢI SANG NGANG RỘNG HƠN VAI, SAU ĐÓ KHUỶU GỐI, DỒN TRỌNG TÂM NHIỀU VÀO CHÂN PHẢI, CHÂN TRÁI THẲNG MŨI CHÂN CHẠM ĐẤT, THÂN NGƯỜI THẲNG, 2 TAY ĐƯA RA TRƯỚC SONG SONG CAO NGANG VAI, BÀN TAY SẤP (ÚP) MẮT NHÌN THEO TAY.

NHỊP 29

THU CHÂN PHẢI VỀ VỚI CHÂN TRÁI THÀNH TƯ THẾ ĐỨNG THẲNG 2 TAY DANG NGANG, BÀN TAY SẤP (ÚP) MẮT NHÌN VỀ TRƯỚC.

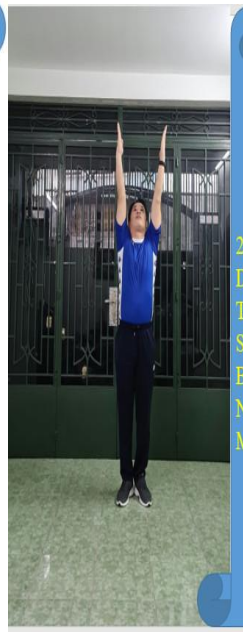

NHIP 30

2 TAY ĐƯA XUỐNG DƯỚI SÁT THÂN – RA TRƯỚC – LÊN CAO SONG SONG, LÒNG BÀN TAY HƯỚNG VÀO NHAU, MẮT NGỬA, MẮT NHÌN THEO TAY.

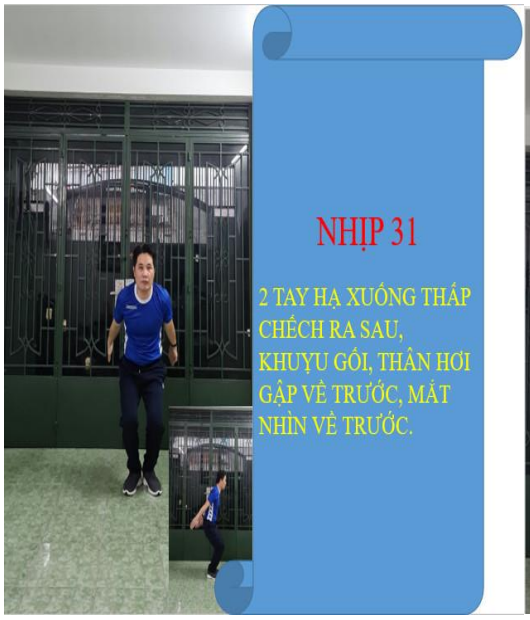

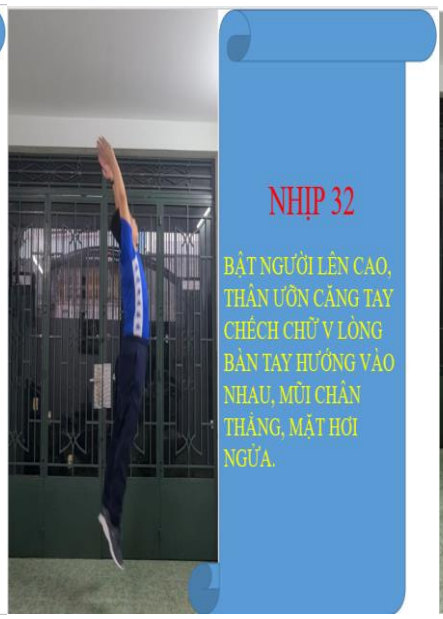

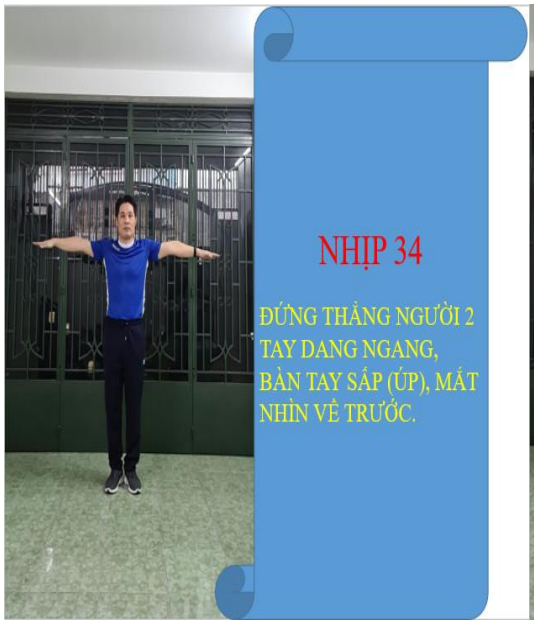

B. CHẠY NGẮN

LÝ THUYẾT: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TẬP LUYỆN SỨC NHANH

+ Chạy nhanh là một trong những hoạt động thể thao hấp dẫn với học sinh THCS và là hoạt động cơ bản để phát triển sức nhanh ở lứa tuổi này, để tập luyện phát triển sức nhanh có hiệu quả. Học sinh cần chú ý rèn luyện 4 yếu tố cơ bản về sức nhanh đó là:

- Phản ứng nhanh:

- **VD:** Khi nghe thấy lệnh xuất phát phải phản ứng nhanh bằng các động tác xuất phát.

- Tần số động tác:

- **VD:** Tốc độ guồng chân tối đa.

- Sức mạnh tốc độ:

- **VD:** Chạy tăng tốc sau xuất phát.

- Sức bền tốc độ:

- **VD:** Gắng sức chạy 10 – 20m cuối trước khi về đích.

+ Học sinh cần chọn các nhóm bài tập hướng vào rèn luyện 4 yếu tố trên của sức nhanh:

- Những bài tập rèn luyện phản ứng nhanh như các trò chơi vận động, xuất phát ở nhiều tư thế khác nhau.
- Những bài tập rèn luyện khả năng chạy tăng tốc như: Xuất phát sau đó chạy nhanh 5m, 10m, 20m, các trò chơi tiếp sức, chạy thi, nhảy dây, một số bài tập phát triển sức mạnh chân.
- Những bài tập rèn luyện tốc độ cao như: Nhảy dây nhanh, các động tác rèn luyện độ linh hoạt cổ chân, đầu gối, hông, đánh tay, chạy nhanh 30m, 40m, 50m, 60m.
- Những bài tập rèn luyện sức nhanh bền như: Chạy nhanh 60m, 80m, một số trò chơi rèn luyện sức mạnh chân và tốc độ.

+ Khi tập luyện nên sắp xếp hoặc đảo các nội dung bài tập cho phù hợp để đạt hiệu quả tốt

+ Cần tăng cường áp dụng phương pháp trò chơi, thi đấu cho sinh động, hấp dẫn

---

TUẦN 7:LUYỆN TẬP

------ ------

I/ MỤC TIÊU:

- HS được rèn luyện về các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử (ba phương pháp cơ bản).
- HS biết thêm phương pháp "tách hạng tử" , cộng , trừ thêm cùng một số hoặc cùng một hạng tử vào biểu thức.

II/ Giải Bài Tập (Học sinh ghi vào vở)

Phân tích các đa thức sau thành nhân tử :

a) $x^4 - 2x^3y + x^2y^2$ (các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử)
$= x^2 (x^2 - 2xy + y^2)$
$= x^2 (x-y)^2$
b) $x^3y^2 - x^2y^3 - x + y$
$= x^2y^2(x - y) - (x - y)$
$= (x - y)(x^2y^2 - 1)$

Bài 54 trang 25 Sgk

a) $x^3+ 2x^2y + xy^2 -9x$
b) $2x -2y -x^2 +2xy -y^2$
c) $x^4 - x^2$
Giải
a) $x^3+ 2x^2y + xy^2 -9x$
$= x(x^2+ 2xy + y^2 -9)$ => đđđđặt nhân tử chung
$= x[(x+y)^2 - 3^2]$ => Nhóm xuất hiện HĐT
$= x(x+y+3)(x+y-3)$ => P/Pháp HĐT

b) $2x -2y -x^2 +2xy -y^2$
$= 2(x-y) - (x^2 -2xy +y^2)$
$= 2(x-y) - (x-y)^2$
$= (x-y)(2-x+y)$

c) $x^4 - x^2 = x^2 (x^2-1)$
$= x^2 (x -1)(x+1)$

Bài 55 trang 25 Sgk

a) $x^3 - 1/4x = 0$

b) $(2x-1)^2 - (x+3)^2 = 0$

Giải

a) $x^3 - 1/4x = 0$

$x[x^2 - (½)^2] = 0$

$x(x - ½)(x+½) = 0$

Khi x=0 hoặc x - ½ = 0 hoặc x+½ =0

- x = 0 x - ½ = 0 x + ½ = 0
- x = ½ x = - ½

Vậy ……

b) $(2x-1)^2 - (x+3)^2 = 0$

$(2x - 1+x+3)(2x-1-x-3) = 0$

$(3x+2)(x-4) = 0$

Khi 3x + 2 = 0 hoặc x – 4 = 0

- 3x + 2 = 0

  3x = - 2

  x = -2/3
- x – 4 = 0

  x = 4

Vậy ……..

<u>Bài 57 trang 25 Sgk</u>

<u>a/</u> $x^2 - 4x + 3$

Giải

=>không dùng các p/p đã học đươc nên ta dùng p/p tách

tách : -4x =-3x -1x

$= x^2 - 3x - 1x + 3 = x(x - 3) - (x - 3)$

$= (x - 3)(x - 1)$

b/ làm tương tự

Đs : (x + 4)(x + 1)

c/ làm tương tự

Đs : (x + 2)(x - 3)

d/ $x^4 + 4$

Thêm ,bớt $4x^2$ vào đa thức đã cho để xuất hiện HĐT

Bài 58 trang 25 Sgk

Hướng dẫn :phân tích thành n(n+1)(n+2)
Với 3 số nguyên liên tiếp thì chắc chắn có số chẵn ,nên chia hết chi 2,có 1 số chia hết cho 3. Vậy tích trên luôn chia hết cho 6

LUYỆN TẬP HÌNH HỌC

I/ MỤC TIÊU:

- Kiến thức: Giúp HS củng cố vững chắc khái niệm khoảng cách giữa hai đường thẳng song song, nhận biết các đường thẳng song song cách đều.
- Kĩ năng: Rèn kỹ năng phân tích, vận dụng tính chất từ lí thuyết để giải quyết những bài tập cụ thể, từ đó ứng dụng của toán học trong thực tế.

II/ GIẢI CÁC BÀI TẬP (Học Sinh Ghi vào vở)

Bài tập. *Cho CC'//DD'//EB và AC = CD = DE.*
CMR: AC'= C'D'= D'B

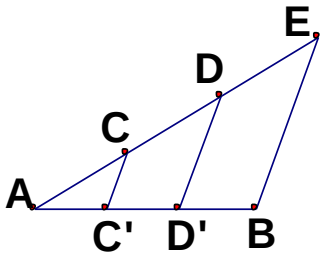

Giải:
Ta có CC'//DD'//EB (gt)
AC = CD = DE (gt)
Nên CC', DD' BE là các đường thẳng // cách đều
Do đó AC' = C 'D' = D'B **Bài 70/ 103**

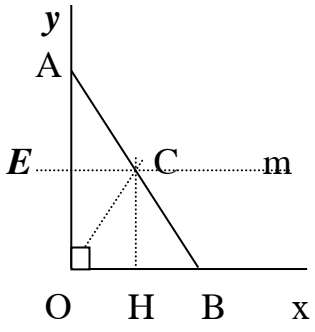

Ta có ΔAOB vuông tại O có OC là trung tuyến

⇨ $OC = \frac{1}{2} AB = AC$

Vậy C nằm trên đường trung trực của đoạn thẳng AO.

Vậy C di chuyển trên đường trung trực của đoạn thẳng AO.

<u>Bài 71 trang 103 SGK</u>

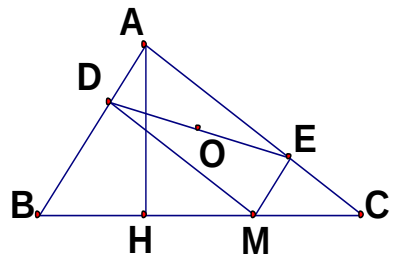

GT: ΔABC ($\hat{A} = 90^0$)
M ∈ BC
MD ⊥ AB, ME ⊥ AC
O là trung điểm của DE

KL: a) A, O, M thẳng hàng
b) Khi M di chuyển thì di chuyển trên đường nào
c) Tìm M trên BC để AM ngắn nhất.

a) Ta có $\hat{A} = \hat{D} = \hat{E} = 90^0$ (gt)

Tứ giác ADME là hình chữ nhật (có 3 góc vuông) .

Mà O là trung điểm của đường chéo DE

Nên O cũng là trung điểm của đường chéo AM.

Do đó A, O, M thẳng hàng

b/ - OP // BM (OP là đường trung bình tam giác ABM)

- OQ// MC (OQ là đường trung bình tam giác ACM)
- O thuộc đường trung bình PQ
- Khi M di chuyển thì O di chuyển trên đường trung bình PQ.

c*) Đường vuông góc ngắn hơn đường xiên*

- AH là đường vuông góc kẻ từ A đến BC
- AM là đường xiên kẻ từ
A đến BC
- AM ≥ AH
- AM = AH
- M trùng với H
Vậy …….

Luyện tập các bài toán hình học thực tế

<u>Bài toán1:</u> Theo kết quả khai quật của Viện Khảo cổ học công bố sáng 26/12/2016, các di tích Hoàng Thành Thăng Long phất lộ cho thấy nhiều tầng văn hĩa thời Lý đến thời Nguyễn đang xen nhau.

Dấu tích kiến trúc thời Lý gồm đường nước lớn được xây bằng gạch vuông, gạch bìa và cọc gỗ chạy suốt chiều Đông – Tây **dài 16m, bề rộng 2m**.

Lát gạch móng cho đường nước thời nhà Lý là những **viên gạch có kích thước 35cm x 35cm**. **Tìm tổng số viên gạch cần dùng** để lót 16m đường nước thời nhà Lý, chiều ngang 2m.

Giải

Diện tích đường nước lớn khai quật được là:

$$16.2 = 32\ (m^2)$$

Diện tích một viên gạch hình vuông là:

Số viên gạch cần để lát đường nước lớn là: 32 : 0,1225 261,2 261

Vậy để lát đường nước lớn cần phải mua 261 + 1 = 262 gạch hình vuông.

<u>Bài toán 2:</u>

Sau một thời gian sử dụng, một tủ sách nghệ thuật đã có dấu hiệu bị xuống cấp và cần sửa lại (xem hình vẽ). Các ngăn BC, DE và FG gỗ bị mục và cần thay mới. Chủ nhà sách cần 3 miếng ván sao cho khớp với các vị trí này. Em hãy giúp chủ nhà sách tính toán chiều dài các miếng ván này sao cho khớp với các vị trí cần thay thế.

Biết ngăn HI=12 dm. Tính chiều dài các ngăn còn lại?

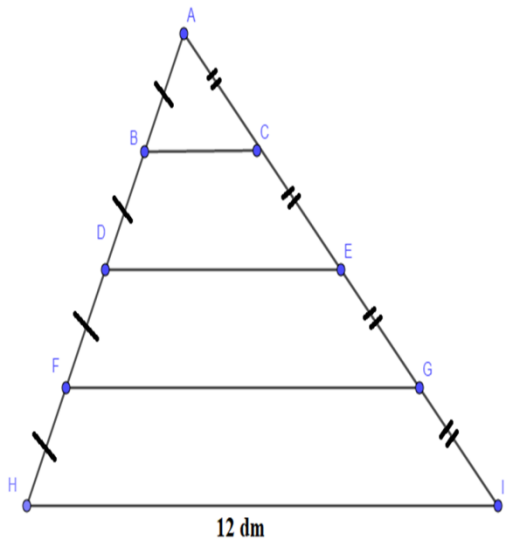

- Các hình có hình dạng ứng dụng đường trung bình hình tam giác, hình thang.

Giải

Vì DE lầ đường trung bình của ΔAHI $\Rightarrow DE = \frac{HI}{2} = \frac{12}{2} = 6dm$

Tương tự dùng đường trung bình

Đường trung bình của tam giác, của hình thang.

Vậy đđộ dài các kệ sách cần tìm lần lượt lầ : 3dm; 6dm; 9dm

TUẦN 8:

LUYỆN TẬP (2 tiết)

Lưu ý: + Ưu tiên cho phương pháp đặt nhân tử chung trước (nếu có)

+ Thứ tự ưu tiên thông thường : 1/ Đặt nhân tử chung

2/ Dùng Hằng Đẳng thức

3/ Nhóm Hạng tử (Khi nhóm thì ưu tiên các nhóm HĐT)

Bài 1: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

1) $ax^2+2ax+a$ **2)** $5x^2+10xy+5y^2$ **3)** $10x^3-10x$

4) $2x^3+4x^2y+2xy^2$ **5)** $-a^3+4a^2-4a$ **6)** $2x^3+8x^2+8x$

7) $\left(x^2+9\right)^2-36x^2$ **8)** $x^3-2x^2+x-xy^2$ **9)** $x^3-3x^2-9x+27$

10) $x^2y+2xy^2+y^3-25y$ **11)** $3x^3-3xy^2+30xy-75x$ **12)** $2xy-x^2-y^2+16$

13) $5x^2+5xy-x-y$.

Phương pháp đặc biệt: TÁCH SỐ

VD1: $x^2-5x+6=x^2-3x-2x+6=x(x-3)-2(x-3)=(x-3)(x-2)$

VD2: $4x^2-7x-2=4x^2-8x+x-2=4x(x-2)+(x-2)=(x-2)(4x+1)$

VD3:

$4x^2-11xy-3y^2=4x^2-12xy+xy-3y^2=4x(x-3y)+y(x-3y)=(x-3y)(4x+y)$

Bài 1: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

a) $6x^2-15x+6$; b) $5x^2-18x-8$

Bài tập tự luyện thêm:

1) $3x^2-3x-6$ **2)** $6x^2-15x+6$ **3)** $6x^2+20x+6$ **4)** $4x^2+15x+9$

5) $x^2+xy-2y^2$ **6)** $3x^2+2xy-y^2$ **7)** $2x^2+3xy-2y^2$ **8)** $6x^2+xy-y^2$

Bài 2: Tìm x

1) $2x(x+3)-x(x+5)=0$

2) $x(3x-8)-1=(2x+1)(x-3)$

3) $4x^2-7x-2=0$

4) $x(x-7)=-12$

5) $x^4+2x^3+x^2=0$

6) $x^4-2x^3=x-2$

7) $3x^3-3x=0$

8) $x^3-3x^2-4x+12=0$

9) $2x^3+8x^2+8x=0$

10) $4x^2+15x+9=0$

ĐÁP ÁN

Bài 1:

1) $ax^2+2ax+a$
$=a(x^2+2x+1)$
$=a(x+1)^2$

2) $5x^2+10xy+5y^2$
$=5(x^2+2xy+y^2)$
$=5(x+y)^2$

3) $6x^2-15x+6$
$=3(2x^2-5x+2)$
$=3(2x^2-x-4x+2)$
$=3[x(2x-1)-2(2x-1)]$
$=3(2x-1)(x-2)$

4) $2x^3+4x^2y+2xy^2$
$=2x(x^2+2xy+y^2)$
$=2x(x+y)^2$

5) $-a^3+4a^2-4a$
$=-a(a^2-4a+4)$
$=-a(a-2)^2$

6) $2x^3+8x^2+8x$
$=2x\left(x^2+4x+4\right)$
$=2x(x+2)^2$

7) $\left(x^2+9\right)^2-36x^2$

$=(x^2+9-6x)(x^2+9+6x)$

$=(x-3)^2(x+3)^2$

8) $x^3-2x^2+x-xy^2$

$=x(x^2-2x+1-y^2)$

$=x[(x-1)^2-y^2]$

$=x(x-1-y)(x-1+y)$

9) $x^3-3x^2-9x+27$

$=x^2(x-3)-9(x-3)$

$=(x-3)(x^2-9)$

$=(x-3)^2(x+3)$

10) $x^2y+2xy^2+y^3-25y$

$=y(x^2+2xy+y^2-25)$

$=y[(x+y)^2-25]$

$=y(x+y+5)(x+y-5)$

11) $5x^2-18x-8$

$=5x^2+20x-2x-8$

$=5x(x+4)-2(x+4)$

$=(x+4)(5x-2)$

12) $2xy-x^2-y^2+16$

$=16-(x-y)^2$

$(4-x+y)(4+x-y)$

13) $5x^2+5xy-x-y$

$=5x(x+y)-(x+y)$

$=(x+y)(5x-1)$

14) $10x^3-10x$

$=10x\left(x^2-1\right)$

$=10x(x-1)(x+1)$

15) $3x^3-3xy^2+30xy-75x$

$=3x\left(x^2-y^2+10y-25\right)$

$=3x[x^2-(y-5)^2]$

$=3x(x-y+5)(x+y-5)$

Bài 2:

1) $2x(x+3)-x(x+5)=0$

$2x^2+6x-x^2-5x=0$

$x^2+x=0$

$x\left(x+1\right)=0$

$x=0 \quad hay \quad x+1=0$

$x=0 \quad hay \quad x=-1$

2) $x(3x-8)-1=(2x+1)(x-3)$

$3x^2-8x-1=2x^2-6x+x-3$

$x^2-3x+2=0$

$x^2-2x-x+2=0$

$x\left(x-2\right)-(x-2)=0$

$(x-2)(x-1)=0$

$x=2 \quad hay \quad x=1$

3) $4x^2 - 7x - 2 = 0$

$4x^2 - 8x + x - 2 = 0$

$4x(x-2) + (x-2) = 0$

$(x-2)(4x+1) = 0$

$x = 2 \ \ hay \ \ x = \frac{-1}{4}$

4) $x(x-7) = -12$

$x^2 - 7x + 12 = 0$

$x^2 - 3x - 4x - 12 = 0$

$x(x-3) - 4(x-3) = 0$

$(x-3)(x-4) = 0$

$x = 3 \ \ hay \ \ x = 4$

5) $x^4 + 2x^3 + x^2 = 0$

$x^2(x^2 + 2x + 1) = 0$

$x^2(x+1)^2 = 0$

$x = 0 \ \ hay \ \ x = -1$

6) $x^4 - 2x^3 = x - 2$

$x^3(x-2) = x - 2$

$(x-2)(x^3 - 1) = 0$

$x = 2 \ \ hay \ \ x = 1$

7) $3x^3 - 3x = 0$

$3x\left(x^2 - 1\right) = 0$

$x = 0 \ hay \ \ x = 1 \ \ hay \ x = -1$

8) $x^3 - 3x^2 - 4x + 12 = 0$

$x^2(x-3) - 4(x-3) = 0$

$(x-3)(x-2)(x+2) = 0$

$x = 3 \ \ hay \ \ x = 2 \ \ hay \ \ x = -2$

9) $2x^3 + 8x^2 + 8x = 0$

$2x\left(x^2 + 4x + 4\right) = 0$

$2x(x+2)^2 = 0$

$x = 0 \ \ hay \ \ x = -2$

10) $4x^2 + 15x + 9 = 0$

$4x^2 + 12x + 3x + 9 = 0$

$4x(x+3) + 3(x+3) = 0$

$(x+3)(4x+3) = 0$

$x = -3 \ \ hay \ \ x = \frac{-3}{4}$

HÌNH HỌC

<u>Bài 1:</u> Cho ΔABC có điểm M trên BC. Kẻ MD // AB (D thuộc AC), ME // AC (E thuộc AB). Gọi I là trung điểm ED. Chứng minh: A đối xứng với M qua I.

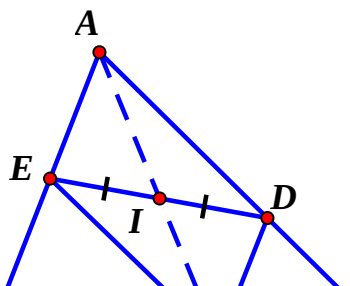

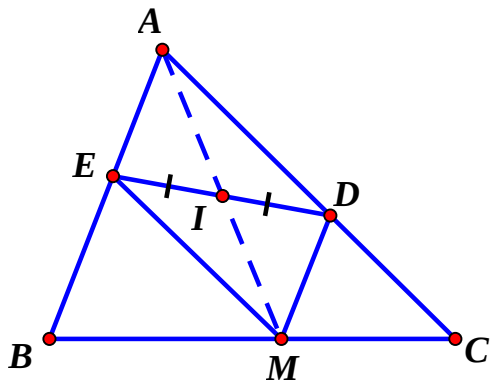	Xét tứ giác ADME có $\begin{cases} MD // AE \ (MD // AB, E \in AB) \\ ME // AD \ (ME // AC, D \in AC) \end{cases}$ $\Rightarrow$ Tứ giác ADME là hình bình hành Mà I là trung điểm ED (gt) Nên I là trung điểm AM Vậy A đối xứng với M qua I.

<u>Bài 2:</u> Cho ΔABC nhọn (AB < AC) có E, F lần lượt là trung điểm AB,AC

a/ Chứng minh: Tứ giác BEFC là hình thang

b/ Lấy D sao cho F là trung điểm BD . Chứng minh: Tứ giác ADCB là hình bình hành

c/ Trên tia đối tia EF lấy G sao cho E là trung điểm GF. Tứ giác BGFC là hình gì ? Vì sao?

d/ Gọi O là trung điểm AD, S là trung điểm BC. Chứng minh: S,F,O thẳng hàng

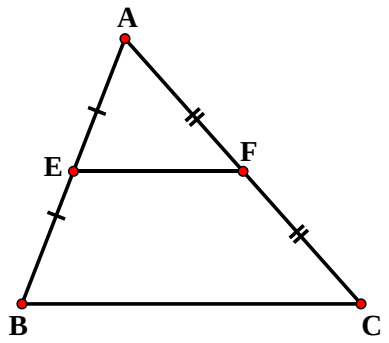 **a/ Chứng minh: Tứ giác BEFC là hình**	**Thang** Xét ΔABC có: $\begin{cases} E \text{ là } trung \text{ điểm } AB\ (gt) \\ F \text{ là } trung \text{ điểm } AC\ (gt) \end{cases}$ $\Rightarrow\ EF$ là đường $trung\ bình\ \Delta ABC$ $\Rightarrow\ EF\ //\ BC$ $\Rightarrow\ Tứ\ giác\ BEFC$ là $hình\ thang$
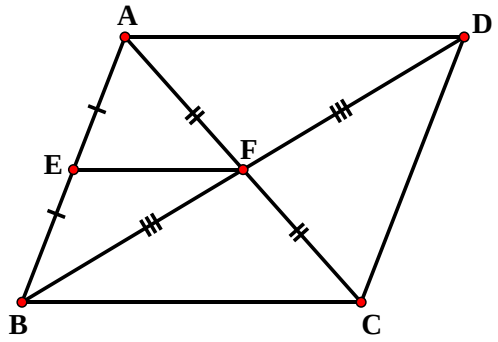	**b/ Lấy D sao cho F là trung điểm BD . Chứng minh: Tứ giác ADCB là hình bình hành** Xét tứ giác ABDC có: $\begin{cases} F\ \text{là } trung \text{ điểm } AC\ \ (gt) \\ F \text{ là } trung \text{ điểm } BD\ (gt) \end{cases}$ $\Rightarrow\ Tứ\ giác\ ABDC$ là $hình\ bình\ hành$
	c/ Trên tia đối tia EF lấy G sao cho E là

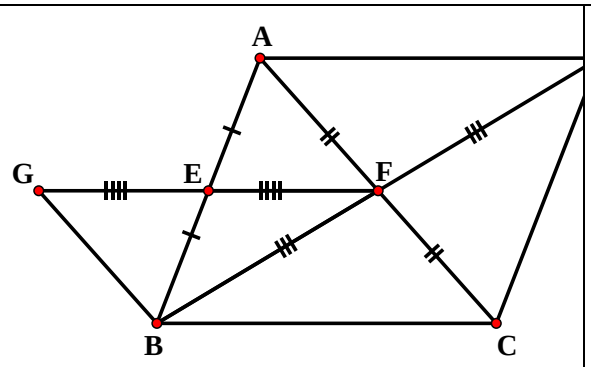	**trung điểm GF. Tứ giác BGFC là hình gì ? Vì sao?** Ta có: $\begin{cases} EF//BC \text{ (cmt)} \\ G \in EF \end{cases}$ $\Rightarrow$ GF // BC (1) $\begin{cases} GF = 2.EF \ (E \text{ là trung điểm } GF) \\ BC = 2.EF \text{ (EF là đường trung bình } \Delta A \end{cases}$ $\Rightarrow$ GF = BC (2) **Từ (1) và (2) suy ra: Tứ giác BGFC là hình bình hành** ***(HS có thể chứng minh theo cách 1)***
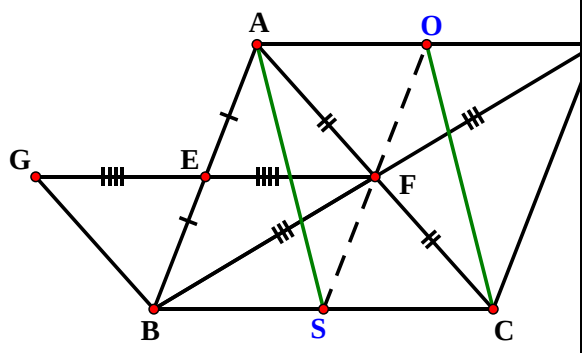	**d/ Gọi O là trung điểm AD, S là trung điểm BC. Chứng minh: S,F,O thẳng hàng** Ta có: $\begin{cases} AD//BC \ (ABCD \text{ là } hbh) \\ O \in AD \text{ ; } S \in BC \end{cases}$ $\Rightarrow$ AO // SC (3) $\begin{cases} AO = \frac{1}{2}AD \ (O \text{ là trung điểm } AD) \\ SC = \frac{1}{2}BC \ (S \text{ là trung điểm } BC) \\ AD = BC \ (ABCD \text{ là } hbh) \end{cases}$ $\Rightarrow$ AO = SC (4) **Từ (3) và (4) suy ra: Tứ giác AOCS là hình bình hành** Mà F là trung điểm AC (gt)

	Nên F là trung điểm OS $\Rightarrow$ S, F, O thẳng hàng

<u>Bài 3:</u> Cho hình bình hành ABCD có O là giao điểm hai đường chéo. Gọi E, F lần lượt là trung điểm OD, OB. Gọi K là giao điểm AE và CD.

a/ Chứng minh: AE // CF

b/ Chứng minh: $DK = \frac{1}{2}KC$ (HS khá giỏi)

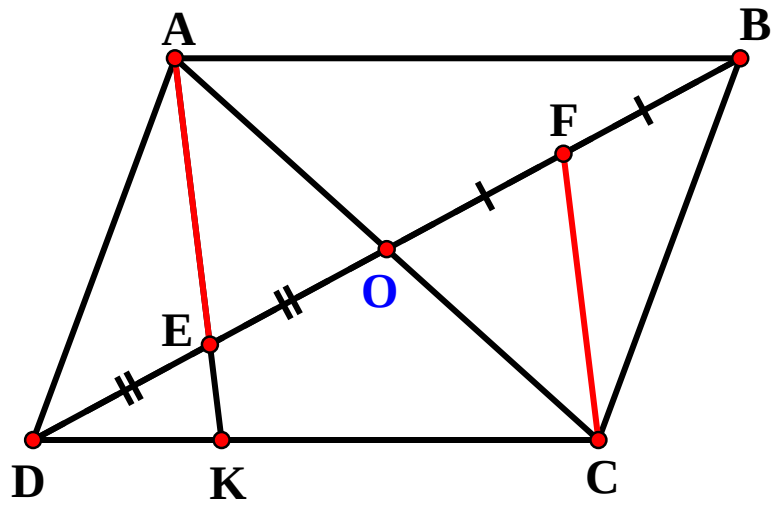

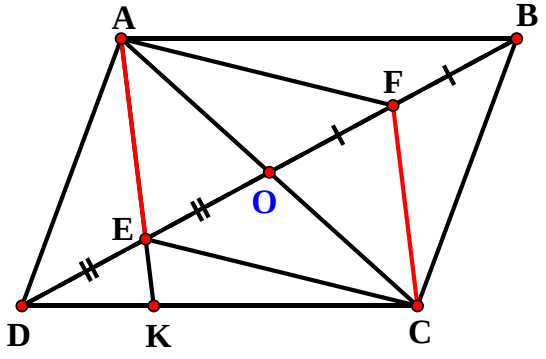

a/ Chứng minh: AE // CF

Xét hình bình ABCD có:

O là giao điểm của AC và BD

$\Rightarrow$ O là trung điểm AC và O là trung điểm BD

	$\begin{cases} EO = \frac{1}{2} OD \ (E \text{ là trung điểm } OD) \\ OF = \frac{1}{2} OB \ (F \text{ là trung điểm } OB) \\ OB = OD \ (O \text{ là trung điểm } BD) \end{cases}$ $\Rightarrow$ OE = OE $\Rightarrow$ O là trung điểm EF Xét tứ giác AFCE có: $\begin{cases} O \text{ là trung điểm } EF \ (cmt) \\ O \text{ là trung điểm } AC \ (cmt) \end{cases}$ $\Rightarrow$ *Tứ giác AFCE là hình bình hành* $\Rightarrow$ $AE // CF$
	b/ Chứng minh: $DK = \frac{1}{2} KC$ **(GV gợi ý cho HS khá giỏi cách vẽ thêm)**

<u>BÀI 4</u>

Để vạch một đường thẳng song song với mép gỗ AB và cách mép gỗ 10cm, bác thợ mộc đặt đoạn bút chì CD dài 10cm vuông góc với ngón tay trỏ lấy làm cữ (h.98), rồi đưa ngón trỏ chạy dọc theo mép gỗ AB. Căn cứ vào kiến thức nào mà ta kết luận rằng đầu chì C vạch nên đường thẳng song song với AB và cách AB là 10cm?.

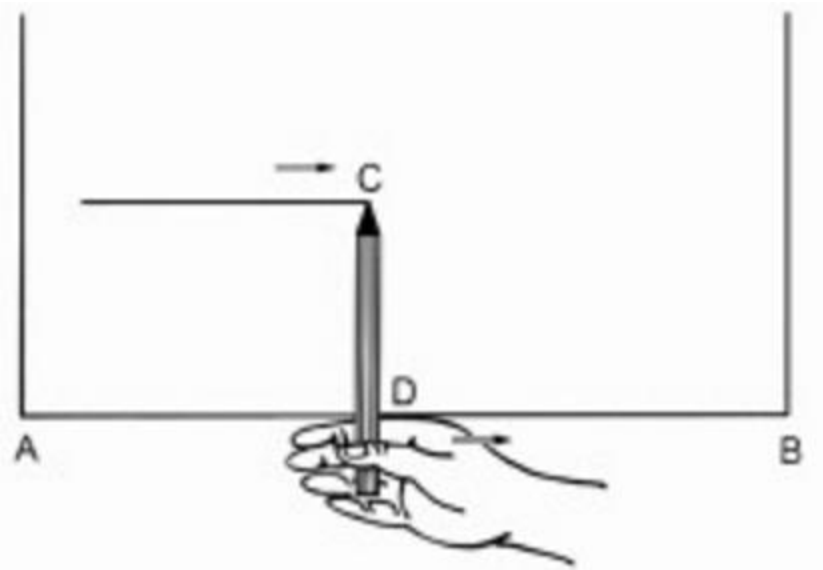

Điểm C cách mép gỗ AB một khoảng bằng 10cm nên đầu chì C vạch nên đường thẳng song song với AB và cách AB một khoảng 10cm.

Câu 1: Cho tam giac ABC có BC=4cm các trung tuyến BD,CE. M,N theo thứ tự là trung điềm của BE,CD.Thế thì độ dài của MN tính bằng cm là:

- A.1
- B.1,5
- C.2
- D.3

Câu 2: Cho ΔABC, từ M,N là trung điểm của các cạnh AB,AC vẽ MI và NK cùng

vuông góc với BC.Tìm câu sai:

- A. MI // NK
- B. MI =NK
- C. MI = MN
- D MN = IK

Câu 3: Cho hình thang cân ABCD (AB//CD),DC là đáy lớn,AH là đường cao ($H \in DC$) và HC=5cm.Độ dài đường trung bình của hình thang ABCD là

- A.4cm
- B.5cm
- C.6cm
- D.8cm

Câu 4: Trong hình thang cân ABCD với AD=BC=5;AB=4 và DC=10.Điểm C trên đoạn DF và điểm B là trung điểm của cạnh huyền DE trong tam giác vuông DEF.Thế thì CF bằng:

- A.3,25
- B.3,5
- C.3,75
- D.4,0

Câu 5: Chọn câu trả lời đúng.

Cho tam giác ABC có AB=5cm,AC=8cm,BC=6m.Các điểm D,E lần lượt là trung điểm các cạnh Ab,AC.Ta có:

- A.DE=3cm
- B.DE=4cm
- C.DE=9,5cm
- D.DE=2,5cm

ĐÁP ÁN

1	D
2	C
3	B
4	D
5	B

Vật lý - Khối 8

Nội dung tuần 7

A/ Nội dung HS ghi bài vào vở :

Chủ đề 6 : LỰC MA SÁT

I. Thế nào là lực ma sát

Các lực cản trở chuyển động của một vật, tạo ra bởi những vật tiếp xúc với nó, được gọi là lực ma sát.

II.Một số loại lực ma sát thường gặp

1) *Lực ma sát trượt* :

_Lực ma sát trượt sinh ra khi một vật trượt trên bề mặt của vât khác.

2) *Ma sát lăn* :

_Lực ma sát lăn sinh ra khi một vật lăn trên bề mặt của vât khác

3) *Lực ma sát nghỉ* :

- Lực ma sát nghỉ giữ cho vật không trượt khi vật bị tác dụng của lực khác.

III. Lực ma sát trong đời sống và kỹ thuật :

- Lực ma sát có thể có lợi hoặc có hại

_Lực ma sát có lợi cần tăng ma sát,ma sát có hại cần giảm ma sát.

IV. Vận dụng :

- HS làm HĐ 6,7 /44,45 và câu 5,6,7 /47 (SGK)

B/ HS có thể xem clip bài học theo đường link sau :

https://www.youtube.com/watch?v=Ks9fu6W_Rg8

C/ Một số nội dung HS cần chuẩn bị cho tiết học sau :

- Chuẩn bị nội dung học ôn tập , ôn từ chủ đề 1 - 6 tiết sao ôn tập kt 1t

Vật lý - Khối 8

Nội dung tuần 8

A/ Nội dung HS ghi bài vào vở :

ÔN TẬP

I/ Lý thuyết :

1) Thế nào là chuyển động cơ ? Trong Cơ học, dựa vào đâu để nhận biết được một vật chuyển động hay đứng yên ? Khi nào thì vật chuyển động, khi nào vật đứng yên ?

2) Tính tương đối của chuyển động và đứng yên là gì ? Cho ví dụ.

3) Thế nào là quỹ đạo chuyển động của một vật ? Dựa vào hình dạng quỹ đạo, người ta chia chuyển động ra những loại nào ? Cho ví dụ.

4) Thế nào là tốc độ ? Nêu công thức tính tốc độ, ghi rõ tên và đơn vị của các đại lượng trong công thức.

5) Thế nào là chuyển động đều, chuyển động không đều ? Cho ví dụ.

6) Nêu công thức tính tốc độ trung bình của chuyển động không đều, ghi rõ tên và đơn vị của các đại lượng trong công thức.

7) Mô tả cách biểu diễn và ký hiệu một vecto lực tác dụng lên vật ?

8) Thế nào là quán tính?

9) Thế nào là lực ma sát ? Lực ma sát trượt , lực ma sát lăn , lực ma sát nghỉ xuất hiện khi nào ?Cho mỗi loại 1 ví dụ

II/ Bài tập :

Bài 5,6,7 trang17 ; 5,6 trang 23 và 24 ; 1,4,5 trang 30; 2,5trang 37,38 ; 5,6,7 trang 47 (SGK)

C/ Một số nội dung HS cần chuẩn bị cho tiết học sau :

- Học ôn từ chủ đề 1 - 6 để kt 1t (tuần 9)